

## PHỤ LỤC 1B

---

### HIỆP ĐỊNH CHUNG VỀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

#### PHẦN I PHẠM VI VÀ ĐỊNH NGHĨA

*Điều I:* Phạm vi và định nghĩa

#### PHẦN II CÁC NGHĨA VỤ VÀ NGUYÊN TẮC CHUNG

<i>Điều II</i>	Đôi xử tội huệ quốc
<i>Điều III</i>	Tính minh bạch
<i>Điều III bis</i>	Tiết lộ thông tin bí mật
<i>Điều IV</i>	Tăng cường sự tham gia của các nước đang phát triển
<i>Điều V</i>	Hội nhập kinh tế
<i>Điều V bis</i>	Các Hiệp định hội nhập thị trường lao động
<i>Điều VI</i>	Quy định trong nước
<i>Điều VII</i>	Công nhận
<i>Điều VIII</i>	Độc quyền và những người cung cấp dịch vụ độc quyền
<i>Điều IX</i>	Thông lệ kinh doanh
<i>Điều X</i>	Các biện pháp tự vệ khẩn cấp
<i>Điều XI</i>	Các khoản thanh toán và chuyển tiền ra nước ngoài
<i>Điều XII</i>	Hạn chế để bảo vệ cán cân thanh toán
<i>Điều XIII</i>	Mua sắm chính phủ
<i>Điều XIV</i>	Những ngoại lệ chung
<i>Điều XIV bis</i>	Ngoại lệ về an ninh
<i>Điều XV</i>	Các trợ cấp

#### PHẦN III NHỮNG CAM KẾT CỤ THỂ

<i>Điều XVI</i>	Tiếp cận thị trường
<i>Điều XVII</i>	Đôi xử quốc gia
<i>Điều XVIII</i>	Những cam kết bổ sung

#### PHẦN IV TỰ DO HÓA TỪNG BƯỚC

<i>Điều XIX</i>	Đàm phán các cam kết cụ thể
<i>Điều XX</i>	Danh mục cam kết cụ thể
<i>Điều XXI</i>	Sửa đổi các Danh mục

#### PHẦN V NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ THỂ CHẾ

<i>Điều XXII</i>	Tham vấn
<i>Điều XXIII</i>	Giải quyết tranh chấp và thi hành
<i>Điều XXIV</i>	Hội đồng thương mại dịch vụ
<i>Điều XXV</i>	Hợp tác kỹ thuật
<i>Điều XXVI</i>	Quan hệ với các Tổ chức quốc tế khác

## **PHẦN VI ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG**

<i>Điều XXVII</i>	Khước từ quyền lợi
<i>Điều XXVIII</i>	Các định nghĩa
<i>Điều XXIX</i>	Các phụ lục

## **CÁC PHỤ LỤC**

- Phụ lục về các ngoại lệ đối với Điều II
- Phụ lục về di chuyển của thể nhân cung cấp dịch vụ theo Hiệp định
- Phụ lục về các dịch vụ vận tải hàng không
- Phụ lục về các dịch vụ tài chính
- Phụ lục hứ hai về các dịch vụ tài chính
- Phụ lục về đàm phán các dịch vụ vận tải đường biển
- Phụ lục về Viễn thông Phụ lục về đàm phán các dịch vụ về viễn thông cơ bản.

## PHỤ LỤC 1B

---

### HIỆP ĐỊNH CHUNG VỀ THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ

*Các Thành viên,*

*Thừa nhận* tầm quan trọng ngày càng tăng của thương mại dịch vụ đối với sự tăng trưởng và phát triển của nền kinh tế thế giới;

*Mong muốn* thiết lập một khuôn khổ đa biên cho những nguyên tắc và quy tắc của thương mại dịch vụ nhằm mở rộng thương mại trong lĩnh vực này trong điều kiện minh bạch và từng bước tự do hóa và như là một công cụ thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế của tất cả các đối tác thương mại và vì sự phát triển của các nước đang phát triển;

*Mong muốn* sớm đạt được tự do hóa thương mại dịch vụ ở mức ngày càng cao bằng việc liên tục đàm phán đa biên nhằm tăng cường lợi ích của các bên tham gia trên cơ sở cùng có lợi và đảm bảo sự cân bằng chung về quyền và nghĩa vụ, đồng thời tôn trọng các mục tiêu chính sách quốc gia;

*Thừa nhận* quyền của các Thành viên trong việc điều chỉnh và ban hành những quy định mới về cung cấp dịch vụ trên lãnh thổ của mình nhằm đạt được mục tiêu chính sách quốc gia và xuất phát từ sự chênh lệch hiện tại về trình độ phát triển của các quy định về dịch vụ tại các nước khác nhau và nhu cầu cụ thể của các nước đang phát triển đối với việc thực thi quyền này;

*Mong muốn* tạo thuận lợi để các nước đang phát triển tham gia ngày càng nhiều vào thương mại dịch vụ và mở rộng xuất khẩu dịch vụ của mình, trong đó có phần nhờ vào việc tăng cường năng lực dịch vụ trong nước, hiệu quả và khả năng cạnh tranh của các nước này;

*Chú trọng* đặc biệt đến những khó khăn nghiêm trọng của các nước chậm phát triển nhất do hoàn cảnh kinh tế, sự phát triển, nhu cầu thương mại và tài chính đặc biệt của họ;

Bằng Hiệp định này, *thỏa thuận* như sau:

#### PHẦN I

#### PHẠM VI VÀ ĐỊNH NGHĨA

## ***Điều I***

### *Phạm vi và định nghĩa*

1. Hiệp định này áp dụng đối với các biện pháp tác động đến thương mại dịch vụ của các Thành viên.
2. Theo Hiệp định này, thương mại dịch vụ được định nghĩa là việc cung cấp dịch vụ:
  - (a) từ lãnh thổ của một Thành viên đến lãnh thổ của bất kỳ một Thành viên nào khác;
  - (b) trên lãnh thổ của một Thành viên cho người tiêu dùng dịch vụ của bất kỳ Thành viên nào khác;
  - (c) bởi một người cung cấp dịch vụ của một Thành viên, thông qua sự hiện diện thương mại trên lãnh thổ của bất kỳ Thành viên nào khác;
  - (d) bởi một người cung cấp dịch vụ của một Thành viên thông qua sự hiện diện thể nhân trên lãnh thổ của bất kỳ Thành viên nào khác;
3. Theo Hiệp định này:
  - (a) “biện pháp của các Thành viên” là các biện pháp được áp dụng bởi:
    - (i) chính quyền và các cơ quan có thẩm quyền trung ương, khu vực hoặc địa phương; và
    - (ii) các cơ quan phi chính phủ trong việc thực thi quyền hạn được chính quyền trung ương, khu vực hoặc địa phương ủy quyền.

Khi thực hiện các nghĩa vụ và cam kết theo Hiệp định này, mỗi Thành viên phải thực hiện những biện pháp hợp lý có thể để đảm bảo việc tuân thủ của chính quyền và các cơ quan có thẩm quyền khu vực, địa phương và các cơ quan phi chính phủ trên lãnh thổ của mình;

- (b) "dịch vụ " bao gồm bất kỳ dịch vụ nào trong tất cả các lĩnh vực, trừ các dịch vụ được cung cấp để thi hành thẩm quyền của chính phủ;
- (c) " Các dịch vụ được cung cấp để thi hành thẩm quyền của chính phủ" là bất kỳ dịch vụ nào được cung cấp không trên cơ sở thương mại, và cũng

không trên cơ sở cạnh tranh với một hoặc nhiều nhà cung cấp dịch vụ.

## **PHẦN II**

### **CÁC NGHĨA VỤ VÀ NGUYÊN TẮC CHUNG**

#### ***Điều II***

##### *Đối xử tối huệ quốc*

1. Đối với bất kỳ biện pháp nào thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định này, mỗi Thành viên phải ngay lập tức và không điều kiện dành cho dịch vụ và các nhà cung cấp dịch vụ của bất kỳ Thành viên nào khác, sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử mà Thành viên đó dành cho dịch vụ và các nhà cung cấp dịch vụ tương tự của bất kỳ nước nào khác.
2. Các Thành viên có thể duy trì biện pháp không phù hợp với quy định tại khoản 1 của Điều này, với điều kiện là biện pháp đó phải được liệt kê và đáp ứng các điều kiện của Phụ lục về các ngoại lệ đối với Điều II.
3. Các quy định của Hiệp định này không được hiểu là để ngăn cản bất kỳ một Thành viên nào dành cho các nước lân cận những lợi thế nhằm tạo thuận lợi cho việc trao đổi dịch vụ được tạo ra và tiêu thụ trong phạm vi giới hạn của vùng biên giới.

#### ***Điều III***

##### *Tính minh bạch*

1. Các Thành viên phải nhanh chóng công bố mọi biện pháp có liên quan hoặc tác động đến việc thi hành Hiệp định này, chậm nhất trước khi các biện pháp đó có hiệu lực thi hành, trừ những trường hợp khẩn cấp. Những Hiệp định quốc tế có liên quan hoặc tác động đến thương mại dịch vụ mà các Thành viên tham gia cũng phải được công bố.
2. Trong trường hợp việc công bố quy định tại khoản 1 của Điều này không thể thực hiện được, các thông tin đó phải được công khai theo cách thức khác.
3. Các Thành viên phải nhanh chóng và ít nhất mỗi năm một lần thông báo cho Hội đồng thương mại dịch vụ về các văn bản pháp luật mới hoặc bất kỳ sửa đổi nào trong các luật, quy định hoặc hướng dẫn hành chính có tác động cơ bản đến thương mại dịch vụ thuộc các cam kết cụ thể theo Hiệp định này.
4. Mỗi Thành viên phải trả lời không chậm trễ tất cả các yêu cầu của bất kỳ một Thành viên nào khác về những thông tin cụ thể liên quan đến các biện pháp được áp dụng chung hoặc hiệp định quốc tế nêu tại khoản 1. Mỗi Thành viên cũng sẽ thành lập

một hoặc nhiều điểm cung cấp thông tin cụ thể theo yêu cầu của các Thành viên khác về những vấn đề nêu trên cũng như những vấn đề thuộc đối tượng được yêu cầu thông báo quy định tại khoản 3. Các điểm cung cấp thông tin này sẽ được thành lập trong vòng hai năm kể từ ngày Hiệp định thành lập WTO (theo Hiệp định này gọi là "Hiệp định WTO") có hiệu lực. Mỗi nước Thành viên đang phát triển có thể thỏa thuận thời hạn linh hoạt thích hợp cho việc thành lập các điểm cung cấp thông tin đó. Các điểm cung cấp thông tin không nhất thiết phải là nơi lưu trữ các văn bản pháp luật.

5. Các Thành viên có thể thông báo cho Hội đồng thương mại dịch vụ bất kỳ biện pháp nào do một Thành viên khác áp dụng được coi là có tác động đến việc thực thi Hiệp định này.

### ***Điều III bis***

#### ***Tiết lộ thông tin bí mật***

Không một quy định nào trong Hiệp định này đòi hỏi bất kỳ Thành viên nào phải cung cấp thông tin bí mật mà việc tiết lộ thông tin đó có thể gây cản trở đến việc thi hành pháp luật, hoặc trái với lợi ích công cộng, hoặc làm phương hại đến quyền lợi thương mại hợp pháp của một doanh nghiệp cụ thể, dù là doanh nghiệp nhà nước hoặc tư nhân.

### ***Điều IV***

#### ***Tăng cường sự tham gia của các nước đang phát triển***

1. Sự tham gia ngày càng tăng của các Thành viên đang phát triển vào thương mại thế giới sẽ được tạo thuận lợi thông qua việc đàm phán các cam kết cụ thể giữa các Thành viên phù hợp với Phần III và IV của Hiệp định này, liên quan đến:

- (a) tăng cường năng lực, hiệu quả và tính cạnh tranh của các ngành dịch vụ trong nước, trong đó có việc tiếp cận công nghệ trên cơ sở thương mại;
- (b) cải thiện khả năng của các nước này trong việc tiếp cận các kênh phân phối và hệ thống thông tin; và
- (c) tự do hóa tiếp cận thị trường trong các lĩnh vực và phương thức cung cấp mà các nước này quan tâm xuất khẩu .

2. Trong vòng hai năm kể từ ngày Hiệp định WTO có hiệu lực, các Thành viên phát triển và các Thành viên khác, trong chừng mực có thể, sẽ thành lập các đầu mối liên hệ để tạo điều kiện thuận lợi cho nhà cung cấp dịch vụ của các thành viên đang phát triển tiếp cận thông tin liên quan tới thị trường của các nước đó. :

- (a) các khía cạnh thương mại và kỹ thuật của việc cung cấp dịch vụ;
- (b) đăng ký, công nhận và tiếp thu các tiêu chuẩn chuyên môn; và
- (c) sẵn sàng cung cấp công nghệ dịch vụ.

3. Các Thành viên chậm phát triển được ưu tiên đặc biệt trong việc thực hiện khoản 1 và 2. Những khó khăn nghiêm trọng của các nước chậm phát triển trong việc chấp nhận các cam kết cụ thể đã được đàm phán, có tính đến tình trạng kinh tế đặc biệt, nhu cầu phát triển, thương mại và tài chính của họ.

## ***Điều V***

### ***Hội nhập kinh tế***

1. Hiệp định này không ngăn cản bất kỳ Thành viên nào gia nhập hoặc ký kết một Hiệp định tự do hóa thương mại dịch vụ giữa hai hoặc nhiều Thành viên, với điều kiện là hiệp định đó:

- (a) có phạm vi thuộc về lĩnh vực chủ yếu<sup>1</sup>, và
- (b) không quy định hoặc xóa bỏ mọi sự phân biệt đối xử giữa hai hoặc nhiều bên, theo tinh thần của Điều XVII, trong những lĩnh vực được nêu tại điểm (a), thông qua:
  - (i) xóa bỏ những biện pháp phân biệt đối xử hiện có, và/hoặc
  - (ii) cấm những biện pháp phân biệt đối xử mới hoặc áp dụng thêm các biện pháp này

dù là tại thời điểm hiệp định đó có hiệu lực hoặc trên cơ sở một lộ trình hợp lý, ngoại trừ những biện pháp được phép áp dụng theo các Điều XI, XII, XIV và XIV *bis* .

2. Khi đánh giá xem các điều kiện nêu tại điểm 1 (b) có được đáp ứng không, có thể xem xét mối quan hệ giữa hiệp định với tiến trình hội nhập kinh tế hoặc tự do hóa thương mại rộng hơn giữa các nước liên quan.

3. (a) Trong trường hợp những nước đang phát triển là thành viên của một hiệp định thuộc loại nêu tại khoản 1, thì những điều kiện nêu tại khoản 1, đặc biệt là những

---

<sup>1</sup> Điều kiện này được hiểu theo số cốc ngành, kim ngạch thương mại chịu tác động và cốc hình thức cung cấp. Để đáp ứng được điều kiện này, cốc hiệp định sẽ khụng được đưa ra suy diễn loại trừ về bất kỳ một hình thức cung cấp nào.



điều kiện liên quan tới điểm (b) của khoản này, , có thể được xem xét một cách linh hoạt phù hợp với trình độ phát triển của những nước liên quan, cả về tổng thể, trong từng lĩnh vực và tiểu lĩnh vực.

(b) Cho dù có các quy định tại khoản 6, trong trường hợp một hiệp định thuộc loại nêu tại khoản 1 chỉ liên quan đến các nước đang phát triển thì sự đối xử thuận lợi hơn có thể dành cho các pháp nhân thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của các thể nhân thuộc các bên tham gia hiệp định này.

4. Bất kỳ hiệp định nào nêu tại khoản 1 sẽ được xây dựng nhằm tạo thuận lợi cho thương mại giữa các bên tham gia hiệp định và không tạo ra mức trở ngại chung cao hơn mức đã áp dụng trước khi các hiệp định đó được ký kết trong thương mại dịch vụ với bất kỳ Thành viên nào không tham gia hiệp định, dù trong từng ngành hoặc phân ngành dịch vụ.

5. Khi ký kết, mở rộng hoặc sửa đổi cơ bản bất kỳ hiệp định nào nêu tại khoản 1, Thành viên có ý định rút lại hoặc sửa đổi cam kết cụ thể trái với các cam kết đã nêu tại Danh mục của mình, thì Thành viên đó phải thông báo ít nhất 90 ngày trước khi rút lại hoặc sửa đổi, và sẽ áp dụng các thủ tục quy định tại khoản 2, 3 và 4 của Điều XXI.

6. Nhà cung cấp dịch vụ của bất kỳ Thành viên nào khác, là pháp nhân thành lập theo luật pháp của một bên tham gia một Hiệp định nêu tại khoản 1 được hưởng sự đối xử theo Hiệp định nói trên, với điều kiện là nhà cung cấp dịch vụ đó có hoạt động kinh doanh đáng kể trên lãnh thổ của các bên tham gia hiệp định này.

7. (a) Thành viên là các Bên tham gia vào bất kỳ hiệp định nào nêu tại khoản 1 phải ngay lập tức thông báo về các hiệp định đó và về bất kỳ sự mở rộng nào hoặc bất kỳ sửa đổi cơ bản nào của hiệp định này cho Hội đồng Thương mại Dịch vụ. Khi Hội đồng yêu cầu, các Thành viên đó phải cung cấp ngay các thông tin liên quan. Hội đồng có thể thành lập một nhóm công tác để xem xét hiệp định này hoặc mở rộng hoặc sửa đổi của hiệp định và báo cáo với Hội đồng về sự phù hợp của hiệp định đó với Điều này.

(b) Các Thành viên là các bên tham gia vào bất kỳ hiệp định nào nêu tại khoản 1 thực hiện trên cơ sở một lịch trình, thì Thành viên đó phải báo cáo định kỳ cho Hội đồng Thương mại Dịch vụ về việc thực hiện hiệp định nói trên. Trong trường hợp xét thấy cần thiết, Hội đồng có thể thành lập ban công tác để xem xét các báo cáo đó.

(c) Trên cơ sở báo cáo của ban công tác nêu tại điểm (a) và (b), Hội đồng có thể đưa ra khuyến nghị với các bên, nếu xét thấy phù hợp.

8. Một Thành viên là bên tham gia bất kỳ hiệp định nào nêu tại khoản 1 không được yêu cầu đền bù đối với những quyền lợi thương mại mà bất kỳ một Thành viên nào khác có được từ hiệp định đó.

## ***Điều V (b)***

### *Các hiệp định về hội nhập thị trường lao động*

Hiệp định này không ngăn cản bất kỳ một Thành viên nào trở thành thành viên của một hiệp định về thiết lập thị trường lao động hội nhập hoàn toàn<sup>2</sup> giữa các thành viên của hiệp định, với điều kiện là hiệp định này:

- (a) miễn áp dụng yêu cầu liên quan tới cư trú và giấy phép lao động đối với công dân của các bên tham gia hiệp định;
- (b) được thông báo cho Hội đồng Thương mại Dịch vụ.

## ***Điều VI***

### *Các quy định trong nước*

1. Trong những lĩnh vực đã cam kết cụ thể, mỗi Thành viên phải đảm bảo rằng tất cả các biện pháp áp dụng chung tác động đến thương mại dịch vụ được quản lý một cách hợp lý, khách quan và bình đẳng.

2. (a) Ngay khi có thể, mỗi Thành viên phải duy trì hoặc thành lập các tòa án tư pháp, trọng tài hoặc tòa án hành chính hoặc thủ tục để xem xét nhanh chóng và đưa ra các biện pháp khắc phục đối với các quyết định hành chính có tác động đến thương mại dịch vụ theo yêu cầu của nhà cung cấp dịch vụ chịu tác động. Khi những thủ tục này không độc lập với cơ quan có thẩm quyền đưa ra quyết định hành chính có liên quan, Thành viên này phải đảm bảo rằng các thủ tục trên thực tế được xem xét một cách khách quan và bình đẳng.

(b) Các quy định của điểm (a) không được hiểu là nhằm yêu cầu các Thành viên phải thành lập những tòa án hoặc thủ tục trái với thể chế hoặc bản chất hệ thống pháp luật của Thành viên đó.

3. Trong trường hợp thủ tục phê duyệt được yêu cầu đối với việc cung cấp một dịch vụ đã có cam kết cụ thể thì sau khi nhận được đơn xin cấp phép được coi là đầy đủ theo quy định của pháp luật trong nước, cơ quan có thẩm quyền của một Thành viên sẽ thông báo cho người nộp đơn về quyết định của mình trong khoảng thời gian hợp lý.

---

<sup>2</sup> Tính đặc trưng của sự hội nhập này là dành cho cộng đồng của các bên liên quan quyền tự do tham gia các thị trường lao động của các bên và bao gồm cả các biện pháp liên quan đến điều kiện thanh toán, các điều kiện tuyển dụng khác và phúc lợi xã hội.

Nếu người nộp đơn có yêu cầu, cơ quan có thẩm quyền của Thành viên đó sẽ phải cung cấp không chậm trễ thông tin về hiện trạng của đơn xin phép.

4. Nhằm đảm bảo để các biện pháp liên quan tới yêu cầu chuyên môn, thủ tục, tiêu chuẩn kỹ thuật và yêu cầu cấp phép không tạo ra những trở ngại không cần thiết cho thương mại dịch vụ, thông qua những cơ quan thích hợp có thể được thành lập, Hội đồng Thương mại Dịch vụ sẽ phát triển bất kỳ nguyên tắc cần thiết nào. Những nguyên tắc đó nhằm đảm bảo rằng các yêu cầu này:

- (a) dựa trên những tiêu chí khách quan và minh bạch, như năng lực và khả năng cung cấp dịch vụ;
- (b) không phiền hà hơn mức cần thiết để đảm bảo chất lượng dịch vụ;
- (c) trong trường hợp áp dụng thủ tục cấp phép, không trở thành hạn chế về cung cấp dịch vụ.

5. (a) Trong những lĩnh vực mà Thành viên đã cam kết cụ thể, thì trong thời gian chưa áp dụng các nguyên tắc được đề ra trong những lĩnh vực này phù hợp với khoản 4, Thành viên đó không được áp dụng các yêu cầu về cấp phép và chuyên môn và các tiêu chuẩn kỹ thuật làm vô hiệu hoặc giảm bớt mức cam kết đó theo cách thức:

- (i) không phù hợp với các tiêu chí đã được nêu tại điểm 4(a), (b) hoặc (c); và
- (ii) tại thời điểm các cam kết cụ thể trong các lĩnh vực đó được đưa ra, các Thành viên đã không có ý định áp dụng các biện pháp này

(b) Khi xác định liệu một Thành viên có tuân thủ các nghĩa vụ quy định tại điểm 5(a) hay không, cần tính đến các tiêu chuẩn của các tổ chức quốc tế liên quan<sup>3</sup> được Thành viên đó áp dụng.

6. Trong những lĩnh vực có các cam kết cụ thể liên quan đến dịch vụ nghề nghiệp, mỗi Thành viên phải quy định những thủ tục phù hợp để kiểm tra năng lực chuyên môn của người cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp của các Thành viên khác.

## ***Điều VII***

### *Công nhận*

1. Nhằm mục đích thực hiện toàn bộ hoặc một phần các tiêu chuẩn, tiêu chí đối với việc phê duyệt, cấp phép hoặc chứng nhận của các nhà cung cấp dịch vụ và theo

---

<sup>3</sup> Thuật ngữ "các tổ chức quốc tế có liên quan" đề cập đến các cơ quan quốc tế mà tư cách hội viên để ngỏ cho các cơ quan có liên quan của ít nhất là tất cả các Thành viên WTO.

các quy định của khoản 3, một Thành viên có thể công nhận trình độ học vấn, kinh nghiệm, khả năng đáp ứng các yêu cầu, giấy phép hoặc chứng chỉ do một nước cụ thể cấp. Việc công nhận này có thể đạt được thông qua một quá trình hài hòa hóa hoặc nếu không có thể dựa trên một hiệp định hoặc thỏa thuận với nước có liên quan hoặc mặc nhiên cho hưởng .

2. Thành viên là một bên của hiệp định hoặc thỏa thuận được nêu tại khoản 1, bất kể Hiệp định hoặc thỏa thuận đó đang có hiệu lực hoặc sẽ có hiệu lực trong tương lai, phải tạo cơ hội đầy đủ cho những Thành viên có quan tâm khác được đàm phán gia nhập hiệp định hoặc thỏa thuận này hoặc đàm phán về những hiệp định tương đương. Nếu một Thành viên mặc nhiên cho hưởng sự công nhận, Thành viên đó sẽ tạo cơ hội thích hợp cho bất kỳ Thành viên nào khác chứng minh rằng trình độ học vấn, kinh nghiệm, giấy phép, chứng chỉ hoặc việc đáp ứng các yêu cầu mà phải được công nhận tại lãnh thổ của Thành viên khác.

3. Khi áp dụng các tiêu chuẩn, tiêu chí để cấp phép hoặc chứng nhận người cung cấp dịch vụ, Thành viên sẽ không cho hưởng việc công nhận theo cách mà có thể tạo ra sự phân biệt đối xử, hoặc hạn chế trách nhiệm với thương mại dịch vụ.

4. Mỗi Thành viên sẽ:

- (a) trong thời hạn 12 tháng, kể từ ngày Hiệp định WTO có hiệu lực đối với Thành viên đó, thông báo cho Hội đồng Thương mại Dịch vụ về các biện pháp công nhận hiện hành và nêu rõ các biện pháp đó có dựa trên cơ sở những hiệp định hoặc thỏa thuận được nêu tại khoản 1 hay không;
- (b) thông báo trước càng sớm càng tốt cho Hội đồng Thương mại Dịch vụ về việc bắt đầu tiến hành đàm phán hiệp định hoặc thỏa thuận nêu tại khoản 1, nhằm tạo cơ hội thích hợp cho bất kỳ Thành viên khác nào thể hiện ý định tham gia đàm phán trước khi các cuộc đàm phán đi vào giai đoạn chi tiết;
- (c) khẩn trương thông báo cho Hội đồng Thương mại Dịch vụ về việc áp dụng một biện pháp công nhận mới hoặc điều chỉnh đáng kể những biện pháp hiện hành và nêu rõ biện pháp đó có dựa trên cơ sở những hiệp định hoặc thỏa thuận được nêu tại khoản 1 hay không;

5. Khi có điều kiện thích hợp, việc công nhận sẽ được căn cứ vào các tiêu chí đa biên được thừa nhận. Khi thích hợp, các Thành viên sẽ phối hợp với các tổ chức quốc tế và tổ chức phi chính phủ liên quan để xây dựng và thông qua những tiêu chuẩn, tiêu chí quốc tế chung đối với việc công nhận và những tiêu chuẩn quốc tế chung đối với việc hành nghề thương mại dịch vụ và nghề nghiệp có liên quan.

## ***Điều VIII***

### ***Độc quyền và các nhà cung cấp dịch vụ độc quyền***

1. Mỗi Thành viên phải đảm bảo rằng bất kỳ nhà cung cấp dịch vụ độc quyền nào trên lãnh thổ của mình không hành động trái với các nghĩa vụ của Thành viên đó theo quy định tại Điều II và các cam kết cụ thể, khi cung cấp dịch vụ độc quyền trên thị trường liên quan.

2. Nếu một nhà cung cấp dịch vụ độc quyền cạnh tranh, trực tiếp hoặc thông qua các công ty trực thuộc trong việc cung cấp dịch vụ ngoài phạm vi độc quyền của mình và thuộc các cam kết cụ thể của Thành viên đó, thì Thành viên đó sẽ đảm bảo rằng nhà cung cấp dịch vụ sẽ không lạm dụng vị trí độc quyền của họ để tiến hành hoạt động trái với các cam kết trên lãnh thổ của Thành viên đó.

3. Theo yêu cầu của một Thành viên có lý do để tin rằng một người cung cấp dịch vụ độc quyền của bất kỳ một Thành viên nào khác đang hành động không phù hợp với quy định tại khoản 1 và 2, Hội đồng Thương mại Dịch vụ có thể yêu cầu Thành viên đã thành lập, duy trì hoặc cho phép người cung cấp dịch vụ này thông báo những thông tin cụ thể về các hoạt động liên quan.



4. Kể từ ngày Hiệp định WTO có hiệu lực, nếu một Thành viên cho phép độc quyền về cung cấp một dịch vụ trong danh mục cam kết cụ thể, thì Thành viên đó phải thông báo cho Hội đồng Thương mại Dịch vụ chậm nhất là ba tháng trước khi dự kiến thực hiện việc cho phép độc quyền và sẽ áp dụng các quy định tại các khoản 2, 3 và 4.

5. Các quy định của Điều này cũng được áp dụng đối với các trường hợp của người cung cấp dịch vụ độc quyền, trong trường hợp một Thành viên, chính thức hoặc thực tế, (a) cho phép hoặc thành lập một số lượng nhỏ những người cung cấp dịch vụ và (b) hạn chế đáng kể sự cạnh tranh giữa những người cung cấp đó trên lãnh thổ của mình.

## ***Điều IX***

### ***Thông lệ kinh doanh***

1. Các Thành viên thừa nhận rằng việc hành nghề kinh doanh nhất định của các nhà cung cấp dịch vụ, trừ những thông lệ được nêu tại Điều VIII, có thể hạn chế sự cạnh tranh và qua đó hạn chế thương mại dịch vụ.

2. Khi có yêu cầu của Thành viên khác, một Thành viên phải tham gia quá trình tham vấn để xoá bỏ những thông lệ nêu tại khoản 1. Thành viên này phải xem xét các yêu cầu một cách đầy đủ, cảm thông và sẽ hợp tác thông qua việc cung cấp những thông tin không phổ biến có liên quan tới vấn đề đã được công bố công khai. Thành viên được yêu cầu cũng phải cung cấp các thông tin khác sẵn có cho Thành viên yêu cầu theo pháp luật của mình và theo thỏa thuận thoả đáng về việc Thành viên yêu cầu phải đảm bảo tính bảo mật thông tin đó.

## ***Điều X***

### ***Các biện pháp tự vệ khẩn cấp***

1. Sẽ có các cuộc đàm phán đa biên về các biện pháp tự vệ khẩn cấp được tiến hành dựa trên nguyên tắc không phân biệt đối xử. Kết quả của các cuộc đàm phán này sẽ có hiệu lực chậm nhất là ba năm, kể từ ngày Hiệp định thành lập WTO có hiệu lực.

2. Trong thời gian trước khi các kết quả đàm phán nêu tại khoản 1 có hiệu lực, bất kỳ Thành viên nào có thể thông báo cho Hội đồng Thương mại Dịch vụ về ý định sửa đổi hoặc rút lại một cam kết cụ thể sau thời gian một năm, kể từ ngày cam kết đó có hiệu lực' các quy định của khoản 1 điều XXI không áp dụng trong trường hợp này; với điều kiện Thành viên đó phải chứng minh với Hội đồng rằng việc sửa đổi hoặc rút lại cam kết không thể chờ đến khi hết thời hạn ba năm quy định tại khoản 1 Điều XXI.

3. Các quy định của khoản 2 sẽ được ngừng áp dụng sau ba năm, kể từ ngày Hiệp

định WTO có hiệu lực.

## ***Điều XI***

### *Các khoản thanh toán và chuyển tiền ra nước ngoài*

1. Trừ các trường hợp được quy định tại Điều XII, một Thành viên không được áp dụng những hạn chế đối với việc chuyển tiền quốc tế và thanh toán các giao dịch vãng lai liên quan tới các cam kết cụ thể.
2. Các quy định của Hiệp định này không ảnh hưởng tới quyền và nghĩa vụ của các thành viên Quỹ tiền tệ quốc tế theo Điều lệ của Quỹ, gồm cả việc sử dụng các hoạt động ngoại hối phù hợp với Điều lệ, với điều kiện Thành viên đó không áp đặt các hạn chế đối với về bất kỳ giao dịch vốn nào trái với các cam kết cụ thể liên quan đến giao dịch này, trừ trường hợp được quy định tại Điều XII hoặc theo yêu cầu của Quỹ.

## ***Điều XII***

### *Hạn chế để bảo vệ cán cân thanh toán*

1. Trong trường hợp cán cân thanh toán và tài chính đối ngoại gặp khó khăn nghiêm trọng hoặc bị đe dọa gặp khó khăn nghiêm trọng, một Thành viên có thể thông qua hoặc duy trì các hạn chế về thương mại dịch vụ trong những lĩnh vực đã cam kết cụ thể, bao gồm cả việc thanh toán hoặc chuyển tiền trong các giao dịch liên quan đến các cam kết cụ thể đó. Thừa nhận rằng trong quá trình phát triển hoặc chuyển đổi kinh tế, những sức ép nhất định đối với cán cân thanh toán có thể dẫn tới sự cần thiết phải sử dụng các hạn chế để đảm bảo việc duy trì mức độ dự trữ tài chính phù hợp với yêu cầu thực hiện các chương trình phát triển kinh tế hoặc chuyển đổi kinh tế.
2. Những hạn chế nêu tại khoản 1:
  - (a) không được phân biệt đối xử giữa các Thành viên;
  - (b) phải phù hợp với Điều lệ của Quỹ tiền tệ quốc tế;
  - (c) không được gây tổn hại không cần thiết cho lợi ích thương mại, kinh tế và tài chính của bất kỳ Thành viên nào khác;
  - (d) không được vượt quá mức cần thiết để giải quyết những trường hợp được mô tả tại khoản 1,
  - (e) chỉ mang tính chất tạm thời và được loại bỏ dần khi những trường hợp nêu tại khoản 1 đã được cải thiện.



3. Khi xác định tác động của những hạn chế đó, các Thành viên có thể dành ưu tiên cho việc cung cấp dịch vụ có tính chất trọng yếu hơn đối với các chương trình kinh tế hoặc phát triển của mình. Tuy nhiên, các hạn chế đó sẽ không được thông qua hoặc duy trì nhằm mục đích bảo hộ một ngành dịch vụ cụ thể.

4. Các hạn chế được thông qua hoặc duy trì theo khoản 1, hoặc bất kỳ sự thay đổi nào phải được thông báo kịp thời cho Đại hội đồng.

5. (a) Các Thành viên áp dụng các những quy định của Điều này phải khẩn trương tham vấn về các hạn chế áp dụng theo Điều này với Hội đồng về các hạn chế cán cân thanh toán.

(b) Hội nghị Bộ Trưởng sẽ xây dựng các thủ tục<sup>4</sup> tham vấn định kỳ với mục đích đưa ra những khuyến nghị đó với Thành viên liên quan trong trường hợp xét thấy cần thiết.

(c) Các cuộc tham vấn này sẽ đánh giá tình trạng cán cân thanh toán của Thành viên liên quan và các hạn chế được thông qua hoặc duy trì theo quy định của Điều này, có xét đến các yếu tố như:

- (i) bản chất và mức độ của cán cân thanh toán và các khó khăn về tài chính đối ngoại;
- (ii) môi trường thương mại và kinh tế đối ngoại của Thành viên tham vấn;
- (iii) các biện pháp khắc phục khác có thể áp dụng.

(d) Các cuộc tham vấn xem xét sự phù hợp của các hạn chế với yêu cầu của khoản 2, đặc biệt là việc từng bước xóa bỏ các hạn chế phù hợp với đoạn 2(e).

(e) Trong các cuộc tham vấn đó, tất cả các số liệu thống kê hoặc dữ liệu khác liên quan đến ngoại hối, dự trữ tiền tệ và cán cân thanh toán do Quỹ tiền tệ quốc tế trình bày, sẽ được chấp nhận và kết luận được dựa trên cơ sở sự đánh giá của Quỹ về cán cân thanh toán và tình trạng tài chính đối ngoại của Thành viên tham vấn.

6. Trong trường hợp một Thành viên không phải là thành viên của Quỹ tiền tệ quốc tế muốn áp dụng các quy định của Điều này, thì Hội nghị Bộ Trưởng quy định về trình tự xem xét và các thủ tục cần thiết khác.

### ***Điều XIII***

#### ***Mua sắm của Chính phủ***

---

<sup>4</sup> Được hiểu là các thủ tục theo khoản 5 sẽ giống như các thủ tục trong GATT 1994.

1. Điều II, XVI và XVII sẽ không áp dụng đối với các luật, quy định hoặc yêu cầu điều chỉnh việc mua sắm của các cơ quan chính phủ về các dịch vụ phục vụ cho hoạt động của chính phủ và không nhằm mục đích thương mại hoặc dùng cho việc cung cấp dịch vụ mang tính thương mại.

2. Sẽ có các cuộc đàm phán đa biên về mua sắm Chính phủ trong dịch vụ theo Hiệp định này trong vòng hai năm kể từ ngày Hiệp định WTO có hiệu lực.

#### ***Điều XIV***

##### *Những ngoại lệ chung*

Theo các yêu cầu về việc không áp dụng các biện pháp có thể tạo ra sự phân biệt đối xử tùy tiện và không có cơ sở giữa các nước hoặc trở thành một hạn chế trá hình trong thương mại dịch vụ, không có qui định nào của Hiệp định này ngăn cản các Thành viên thông qua hoặc thực thi các biện pháp:

- (a) cần thiết để bảo vệ đạo đức công cộng hoặc duy trì trật tự công cộng<sup>5</sup>;
- (b) cần thiết để bảo vệ cuộc sống và sức khỏe của con người, động vật hoặc thực vật;
- (c) cần thiết để đảm bảo việc tuân thủ luật pháp hoặc quy định không trái với các quy định của Hiệp định này, bao gồm cả các quy định liên quan đến:
  - (i) ngăn ngừa các hành vi lừa đảo và gian lận hoặc để giải quyết hậu quả của việc không thanh toán hợp đồng dịch vụ;
  - (ii) bảo vệ bí mật đời tư của những cá nhân trong việc xử lý hoặc phổ biến những thông tin cá nhân và đảm bảo tính bảo mật lý lịch hoặc tài khoản của cá nhân;
  - (iii) an toàn;
- (d) không phù hợp với Điều XVII, miễn là sự đối xử khác biệt nhằm đảm bảo thực hiện việc đánh thuế hoặc thu thuế trực tiếp một cách công bằng và hiệu quả<sup>6</sup> đối với dịch vụ hoặc người cung cấp dịch vụ của các Thành viên khác;

---

<sup>5</sup> Ngoại lệ về trật tự cộng đồng chỉ có thể được viện dẫn khi có những đe dọa thực sự nghiêm trọng đối với một trong số các lợi ích cơ bản của cộng đồng.

<sup>6</sup> Các biện pháp nhằm đảm bảo việc đồng thuế và thu thuế trực tiếp một cách công bằng và hiệu quả mà một Thành viên tiến hành trong hệ thống thuế của mình mà:

- (e) không phù hợp với Điều II, với điều kiện sự đối xử khác biệt là kết quả của một hiệp định về tránh đánh thuế hai lần hoặc các quy định của bất kỳ hiệp định hoặc thỏa thuận quốc tế nào về tránh đánh thuế hai lần có giá trị ràng buộc đối với Thành viên đó.

### ***Điều XIV bis***

#### *Ngoại lệ về an ninh*

1. Không có quy định nào của Hiệp định này được hiểu là:
- (a) đòi hỏi bất kỳ Thành viên nào phải cung cấp thông tin mà việc tiết lộ được coi là trái với các lợi ích an ninh thiết yếu của mình;
  - (b) ngăn cản bất kỳ Thành viên nào thực hiện bất kỳ hành động nào được coi là cần thiết để bảo vệ lợi ích an ninh thiết yếu của mình:
    - (i) liên quan tới việc cung cấp những dịch vụ được thực hiện trực tiếp hoặc gián tiếp nhằm mục đích, hậu cần cho một cơ sở quân sự;
    - (ii) liên quan tới việc tách hoặc làm giàu vật liệu hạt nhân hoặc những vật liệu có chứa hạt nhân;
    - (iii) thực hiện trong thời kỳ chiến tranh hoặc tình trạng khẩn cấp khác trong quan hệ quốc tế; hoặc

- 
- (i) ộp dụng cho các nhà cung cấp dịch vụ khụng thường trỳ với một thực tế rằng nghĩa vụ thuế của những nhà cung cấp dịch vụ khụng thường trỳ được xác định bằng các danh mục chịu thuế cú nguồn hoặc nằm trong lónh thổ của Thành viên đú; hoặc
  - (ii) ộp dụng cho tất cả các nhà cung cấp dịch vụ khụng thường trỳ nhằm đảm bảo việc ộp thuế và thu thuế trong lónh thổ Thành viên đú; hoặc
  - (iii) ộp dụng cho các nhà cung cấp dịch vụ khụng thường trỳ hoặc thường trỳ nhằm ngăn cản việc trốn thuế hoặc lậu thuế, bao gồm cả các biện pháp phụ hợp; hoặc
  - (iv) ộp dụng cho những người tìu dụng dịch vụ trong hoặc từ lónh thổ của một nước Thành viên khỏc nhằm đảm bảo việc ộp thuế hoặc thu thuế đối với những người tìu dụng này từ các nguồn trong lónh thổ của Thành viên đú; hoặc
  - (v) phõn biệt các nhà cung cấp dịch vụ chịu thuế đối với các danh mục chịu thuế tròn toàn thế giới chỳng; hoặc
  - (vi) xác định, phõn bổ thu nhập, lợi nhuận, lỗ, khấu trừ hoặc tón dụng của các cõ nhõn thường trỳ hoặc các chi nhõnh, hoặc giữa các ca nhõn liờn quan hoặc các chi nhõnh của cựng một cõ nhõn nhằm đảm bảo cơ sở thuế của Thành viên.

Các thuật ngữ về thuế trong đoạn (d) của Điều XIV và trong chỳ giải này được định nghĩa phụ hợp với các định nghĩa và khái niệm về thuế hoặc các định nghĩa và khái niệm tương đương, theo luật pháp trong nước của Thành viên ộp dụng biện pháp này.

- (c) ngăn cản bất kỳ Thành viên nào áp dụng bất kỳ hành động nào phù hợp với các nghĩa vụ theo Hiến chương Liên Hợp Quốc về gìn giữ hòa bình và an ninh quốc tế.

2. Hội đồng Thương mại Dịch vụ phải được thông báo đầy đủ nhất trong phạm vi có thể về những biện pháp được áp dụng theo quy định của điểm 1(b) và (c) và về việc chấm dứt các biện pháp đó.

## ***Điều XV***

### ***Trợ cấp***

1. Các Thành viên thừa nhận rằng, trong những trường hợp nhất định, trợ cấp có thể có tác động bóp méo thương mại dịch vụ. Các Thành viên phải tham gia đàm phán nhằm phát triển những nguyên tắc đa biên cần thiết để ngăn ngừa những tác động bóp méo thương mại<sup>7</sup>. Các cuộc đàm phán đó cũng sẽ đề cập đến tính thích hợp của thủ tục đối kháng. Các cuộc đàm phán đó công nhận vai trò của trợ cấp đối với các chương trình phát triển của các nước đang phát triển và có tính đến nhu cầu của các Thành viên, đặc biệt là các Thành viên đang phát triển, về sự linh hoạt trong lĩnh vực này. Để tiến hành các cuộc đàm phán, các Thành viên phải trao đổi thông tin về mọi khoản trợ cấp liên quan tới thương mại dịch vụ được dành cho những người cung cấp dịch vụ trong nước.

2. Bất kỳ Thành viên nào cho rằng mình bị làm tổn hại bởi trợ cấp của Thành viên khác có thể yêu cầu tham vấn với Thành viên áp dụng trợ cấp về vấn đề này. Những yêu cầu này phải được xem xét một cách cảm thông.

## **PHẦN III**

### **CAM KẾT CỤ THỂ**

## ***Điều XVI***

### ***Tiếp cận thị trường***

1. Đối với việc tiếp cận thị trường theo các phương thức cung cấp dịch vụ nêu tại Điều I, mỗi Thành viên phải dành cho dịch vụ hoặc người cung cấp dịch vụ của các Thành viên khác sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử theo những điều

---

<sup>7</sup> Một chương trình làm việc tương lai sẽ xác định các cuộc đàm phán về các nguyên tắc đa biên này sẽ được tiến hành như thế nào và với lộ trình nào

kiện, điều khoản và hạn chế đã được thỏa thuận và quy định tại Danh mục cam kết cụ thể<sup>8</sup>.

2. Trong những lĩnh vực đã cam kết mở cửa thị trường, các Thành viên không được duy trì hoặc ban hành những biện pháp sau đây, dù là ở quy mô vùng hoặc trên toàn lãnh thổ, trừ trường hợp có quy định khác trong Danh mục cam kết:

- (a) hạn chế số lượng nhà cung cấp dịch vụ dù dưới hình thức hạn ngạch theo số lượng, độc quyền, toàn quyền cung cấp dịch vụ hoặc yêu cầu đáp ứng nhu cầu kinh tế;
- (b) hạn chế tổng trị giá các giao dịch về dịch vụ hoặc tài sản dưới hình thức hạn ngạch theo số lượng, hoặc yêu cầu phải đáp ứng nhu cầu kinh tế;
- (c) hạn chế tổng số các hoạt động dịch vụ hoặc tổng số lượng dịch vụ đầu ra tính theo số lượng đơn vị dưới hình thức hạn ngạch hoặc yêu cầu về nhu cầu kinh tế<sup>9</sup>;
- (d) hạn chế về tổng số thẻ nhân có thể được tuyển dụng trong một lĩnh vực dịch vụ cụ thể hoặc một nhà cung cấp dịch vụ được phép tuyển dụng cần thiết hoặc trực tiếp liên quan tới việc cung cấp một dịch vụ cụ thể dưới hình thức hạn ngạch hoặc yêu cầu về nhu cầu kinh tế;
- (e) các biện pháp hạn chế hoặc yêu cầu các hình thức pháp nhân cụ thể hoặc liên doanh thông qua đó người cung cấp dịch vụ có thể cung cấp dịch vụ;
- (f) hạn chế về tỷ lệ vốn góp của bên nước ngoài bằng việc quy định tỷ lệ phần trăm tối đa cổ phần của bên nước ngoài hoặc tổng trị giá đầu tư nước ngoài tính đơn hoặc tính gộp.

## ***Điều XVII***

### ***Đối xử quốc gia***

1. Trong những lĩnh vực được nêu trong Danh mục cam kết, và tùy thuộc vào các điều kiện và tiêu chuẩn được quy định trong Danh mục đó, liên quan tới tất cả các biện pháp có tác động đến việc cung cấp dịch vụ, mỗi Thành viên phải dành cho dịch vụ và người cung cấp dịch vụ của bất kỳ Thành viên nào khác sự đối xử không kém thuận

---

<sup>8</sup> Khi một Thành viên cam kết mở cửa thị trường cung cấp dịch vụ thặng qua phương thức cung cấp được nêu tại điểm 2(a) của Điều I và nếu di chuyển vốn qua biên giới là một phần thiết yếu của dịch vụ này, thì Thành viên đó sẽ cam kết cho phép sự di chuyển vốn này. Khi một Thành viên cam kết mở cửa thị trường đối với cung cấp dịch vụ thặng qua phương thức cung cấp được nêu tại điểm 2(c) của Điều I, Thành viên đó sẽ cho phép chuyển vốn liên quan vào lãnh thổ của mình.

<sup>9</sup> Điểm 2(c) khuyến khích điều chỉnh các biện pháp của một Thành viên hạn chế đầu vào cung cấp dịch vụ. 21

lợi hơn sự đối xử mà Thành viên đó dành cho dịch vụ và nhà cung cấp dịch vụ của mình<sup>10</sup>.

2. Một Thành viên có thể đáp ứng những yêu cầu quy định tại khoản 1 bằng cách dành cho dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ của bất kỳ một Thành viên nào khác một sự đối xử tương tự về hình thức hoặc sự đối xử khác biệt về hình thức mà thành viên đó dành cho dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ của mình.

3. Sự đối xử tương tự hoặc khác biệt về hình thức được coi là kém thuận lợi hơn nếu nó làm thay đổi điều kiện cạnh tranh có lợi cho dịch vụ hay nhà cung cấp dịch vụ của Thành viên đó so với dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ tương tự của bất kỳ Thành viên nào khác.

---

<sup>10</sup> Cộc cam kết cụ thể theo Điều này sẽ khụng được hiểu là yêu cầu bất kỳ Thành viên nào bồi thường cộc bất lợi cạnh tranh cố hữu do đặc tónh nước ngoài của cộc dịch vụ hoặc nhà cung cấp dịch vụ liờn quan gõy ra.

## ***Điều XVIII***

### *Cam kết bổ sung*

Các Thành viên có thể đàm phán những cam kết về các biện pháp có tác động tới thương mại dịch vụ không thuộc phạm vi danh mục nêu tại Điều XVI và XVII, kể cả các cam kết về tiêu chuẩn chuyên môn, chuẩn mực hoặc những vấn đề liên quan tới cấp phép. Những cam kết đó được ghi vào Danh mục cam kết của mỗi Thành viên.

## **PHẦN IV**

### **TỰ DO HÓA TỪNG BƯỚC**

## ***Điều XIX***

### *Đàm phán về những cam kết cụ thể*

1. Phù hợp với những mục tiêu của Hiệp định này, các Thành viên sẽ tiến hành những vòng đàm phán liên tiếp, bắt đầu không chậm hơn năm năm kể từ ngày Hiệp định WTO có hiệu lực và định kỳ sau đó, nhằm đạt được mức độ tự do hóa ngày càng cao hơn. Các cuộc đàm phán đó sẽ hướng tới việc giảm hoặc triệt tiêu các tác động có hại đối với thương mại dịch vụ của các biện pháp như là công cụ để thực hiện việc tiếp cận thị trường thực tế. Tiến trình đó được tiến hành nhằm tăng lợi ích của tất cả các bên tham gia trên cơ sở cùng có lợi và đảm bảo cân bằng tổng thể giữa quyền lợi và nghĩa vụ.
2. Tiến trình tự do hóa được tiến hành với sự quan tâm đúng mức đến các mục tiêu chính sách quốc gia và trình độ phát triển của mỗi Thành viên riêng biệt, xét cả tổng thể nền kinh tế hoặc trong từng lĩnh vực riêng biệt. Sự linh hoạt thích đáng cho các Thành viên đang phát triển trong việc mở cửa thị trường với ít lĩnh vực hơn, tự do hóa ít loại hình giao dịch hơn, dần dần mở rộng việc tiếp cận thị trường phù hợp với tình hình phát triển, và khi mở cửa thị trường cho các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, đi kèm với các điều kiện để tiếp cận thị trường trên nhằm đạt được những mục tiêu nêu tại Điều IV.
3. Đối với mỗi vòng đàm phán, hướng dẫn và thủ tục đàm phán sẽ được xây dựng. Để xây dựng được những hướng dẫn đó, Hội đồng Thương mại Dịch vụ thực hiện đánh giá tổng thể và theo từng lĩnh vực thương mại dịch vụ trên cơ sở mục tiêu của Hiệp định này, kể cả những mục tiêu được nêu tại khoản 1 của Điều IV. Hướng dẫn đàm phán phải thiết lập các phương thức thực hiện việc tự do hóa do các Thành viên chủ động tiến hành kể từ các vòng đàm phán trước đó, cũng như việc đối xử đặc biệt dành cho các Thành viên kém phát triển nhất theo quy định tại khoản 3 Điều IV.

4. Tiến trình tự do hóa từng bước được đẩy mạnh thông qua từng vòng đàm phán bằng cả đàm phán song phương, nhiều bên hoặc đa biên theo hướng tăng mức độ chung của các cam kết cụ thể được các Thành viên đưa ra theo Hiệp định này.

## ***Điều XX***

### *Danh mục các cam kết cụ thể*

1. Các Thành viên sẽ đưa ra danh mục các cam kết cụ thể theo quy định tại Phần III của Hiệp định này. Mỗi Danh mục cam kết, trong những lĩnh vực cụ thể phải quy định:

- (a) điều khoản, giới hạn và điều kiện tiếp cận thị trường;
- (b) điều kiện và tiêu chuẩn về đối xử quốc gia;
- (c) việc thực hiện những cam kết bổ sung;
- (d) lộ trình thực hiện các cam kết đó, nếu có thể; và
- (e) thời hạn các cam kết đó có hiệu lực.

2. Các biện pháp không phù hợp với cả hai Điều XVI và XVII được ghi vào cột dành cho Điều XVI. Trong trường hợp này hạng mục đó cũng được coi là đặt một điều kiện hoặc tiêu chuẩn cho Điều XVII.

3. Danh mục các cam kết cụ thể được kèm theo Hiệp định này và là một bộ phận không thể tách rời của Hiệp định.

## ***Điều XXI***

### *Sửa đổi các Danh mục*

1. (a) Các Thành viên (trong Điều này gọi là "Thành viên sửa đổi") có thể sửa đổi hoặc rút lại bất kỳ cam kết nào trong Danh mục của mình, vào bất kỳ thời điểm nào sau ba năm, kể từ ngày các cam kết đó có hiệu lực, phù hợp với các quy định của Điều này.

(b) Thành viên sửa đổi phải thông báo cho Hội đồng Thương mại Dịch vụ về ý định sửa đổi hoặc rút lại một cam kết theo quy định của Điều này chậm nhất là ba tháng trước ngày dự định thực hiện việc sửa đổi hoặc rút lại.

2. (a) Theo yêu cầu của bất kỳ Thành viên nào có thể bị thiệt hại về quyền lợi theo Hiệp định này (trong Điều này được gọi là "Thành viên bị thiệt hại") do ý định



sửa đổi hoặc rút lại thông báo theo quy định của đoạn 1 (b), Thành viên sửa đổi phải tiến hành đàm phán nhằm đạt được thỏa thuận về việc điều chỉnh đền bù cần thiết. Trong các cuộc đàm phán và thỏa thuận đó, các Thành viên có liên quan phải cố gắng để mức độ tổng thể các cam kết có lợi chung không kém thuận lợi hơn cho thương mại so với các mức cam kết trong Danh mục đã có được trước phiên đàm phán đó.

(b) Những điều chỉnh đền bù đó được áp dụng trên cơ sở đối xử tối huệ quốc.

3. (a) Nếu không đạt được một thỏa thuận giữa Thành viên sửa đổi và Thành viên bị thiệt hại trước khi kết thúc thời hạn quy định để đàm phán, Thành viên bị thiệt hại có thể đưa vấn đề ra cơ quan trọng tài. Bất kỳ Thành viên bị thiệt hại nào muốn thực thi quyền có thể được hưởng đền bù phải tham dự phiên trọng tài này.

(b) Nếu không có Thành viên bị thiệt hại nào yêu cầu giải quyết tại trọng tài, Thành viên sửa đổi được tự do thực hiện việc sửa đổi hoặc rút lại cam kết.

4. (a) Thành viên sửa đổi không được sửa đổi hay rút lại cam kết của mình cho đến khi đã thực hiện việc điều chỉnh đền bù phù hợp với kết luận của trọng tài.

(b) Nếu Thành viên sửa đổi thực hiện việc sửa đổi hay rút lại và không tuân thủ đúng với kết luận của trọng tài thì bất kỳ Thành viên bị thiệt hại nào đã tham gia phiên trọng tài có thể sửa đổi hay rút lại những lợi ích tương đương đáng kể phù hợp với kết quả trọng tài. Cho dù có các quy định của Điều II, việc sửa đổi hay rút lại cam kết này có thể chỉ áp dụng duy nhất với bên sửa đổi.

5. Hội đồng Thương mại Dịch vụ sẽ thiết lập những thủ tục để điều chỉnh hay sửa đổi các Danh mục. Bất kỳ Thành viên nào đã thực hiện sửa đổi hay rút lại cam kết nêu trong Danh mục theo Điều này sẽ điều chỉnh Danh mục của mình theo thủ tục đó.

## **PHẦN V**

### **NHỮNG QUY ĐỊNH VỀ THÊ CHẾ**

#### ***Điều XXII***

##### *Tham vấn*

1. Các Thành viên phải xem xét một cách cảm thông tới, và tạo điều kiện đầy đủ cho, quá trình tham vấn có sự kháng nghị của bất kỳ một Thành viên nào khác về bất kỳ vấn đề gì tác động đến việc thực thi Hiệp định này. Thỏa thuận về Giải quyết Tranh chấp (DSU) sẽ được áp dụng cho những tham vấn nêu trên.
2. Hội đồng Thương mại Dịch vụ hoặc Cơ quan giải quyết tranh chấp (DSB), khi được một Thành viên yêu cầu, có thể tham vấn với bất kỳ một hay nhiều Thành viên nào về các vấn đề chưa thể tìm được giải pháp thỏa đáng thông qua tham vấn theo quy định của khoản 1.
3. Các Thành viên không thể viện dẫn Điều XVII, dù là theo Điều này hay Điều XXIII, đối với một biện pháp được một Thành viên khác áp dụng trong khuôn khổ hiệp định quốc tế giữa họ về tránh đánh thuế hai lần. Trong trường hợp các Thành viên không nhất trí rằng liệu biện pháp đó có thuộc diện điều chỉnh của hiệp định về tránh đánh thuế hai lần giữa họ hay không, các bên có thể đưa vấn đề ra giải quyết tại Hội đồng Thương mại Dịch vụ<sup>11</sup>. Hội đồng sẽ đưa vấn đề ra trọng tài giải quyết. Quyết định của trọng tài là chung thẩm và ràng buộc các Thành viên.

#### ***Điều XXIII***

##### *Giải quyết tranh chấp và thi hành quyết định*

1. Nếu một Thành viên cho rằng bất kỳ Thành viên nào khác không tiến hành nghĩa vụ hoặc các cam kết cụ thể theo Hiệp định này, Thành viên đó, với mục đích đạt được một giải pháp hai bên cùng nhất trí, có thể đưa vấn đề ra DSB.
2. Nếu xét thấy tình huống đã nghiêm trọng tới mức cần có một hành động, DSB có thể cho phép (các) Thành viên đình chỉ việc thực thi những nghĩa vụ và cam kết cụ thể theo quy định tại Điều 22 của DSU.
3. Nếu bất kỳ một Thành viên nào cho rằng bất kỳ lợi ích nào mà mình có thể được hưởng một cách hợp lý từ những cam kết cụ thể của một Thành viên khác theo Phần III của Hiệp định này đã bị triệt tiêu hay suy giảm mà nguyên nhân là do việc áp

---

<sup>11</sup> Liền quan đến các hiệp định về chống đánh thuế hai lần tồn tại đến ngày Hiệp định WTO có hiệu lực, vấn đề như thế có thể được đưa ra trước Hội đồng Thương mại Dịch vụ chỉ khi có sự nhất trí của cả hai bên tham gia hiệp định đó.

dụng bất kỳ biện pháp nào dù không trái với các quy định Hiệp định này, thì Thành viên đó có thể khiếu nại lên DSB. Nếu DSB xác định rằng biện pháp đó đã triệt tiêu hoặc làm suy giảm quyền lợi như đã trình bày, Thành viên bị thiệt hại có quyền được hưởng sự điều chỉnh hai bên cùng nhất trí trên cơ sở khoản 2 Điều XXII, sự điều chỉnh đó có thể bao gồm cả việc sửa đổi hoặc rút lại biện pháp đó. Trong trường hợp không đạt được thỏa thuận giữa các Thành viên liên quan, Điều 22 của DSU sẽ được áp dụng.

#### ***Điều XXIV***

##### *Hội đồng Thương mại Dịch vụ*

1. Hội đồng Thương mại Dịch vụ thực hiện những chức năng được giao để tạo thuận lợi cho việc thực hiện Hiệp định này và thúc đẩy những mục tiêu đề ra. Hội đồng có thể thiết lập những cơ quan trực thuộc nếu thấy thích hợp để hoàn thành các chức năng được giao một cách hiệu quả.
2. Trừ khi Hội đồng quyết định khác, các Thành viên có thể cử đại diện tham gia Hội đồng và các cơ quan của Hội đồng.
3. Chủ tịch Hội đồng do các Thành viên bầu ra.

#### ***Điều XXV***

##### *Hợp tác kỹ thuật*

1. Các nhà cung cấp dịch vụ của các Thành viên có nhu cầu được trợ giúp kỹ thuật sẽ có thể tiếp cận dịch vụ của những điểm liên lạc được nêu tại khoản 2 Điều IV.
2. Trợ giúp kỹ thuật đối với các nước đang phát triển sẽ được thực hiện theo cấp độ đa biên do Ban Thư ký tiến hành và sẽ được Hội đồng Thương mại Dịch vụ quyết định.

#### ***Điều XXVI***

##### *Quan hệ với các tổ chức quốc tế khác*

Đại Hội đồng tiến hành những thỏa thuận thích hợp về tham vấn và hợp tác với Liên Hợp Quốc và các cơ quan chức năng của Liên Hợp Quốc, cũng như các tổ chức quốc tế liên chính phủ liên quan tới dịch vụ.

## PHẦN VI

### ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

#### ***Điều XXVII***

##### *Khước từ quyền lợi*

Một Thành viên có thể khước từ những quyền lợi của Hiệp định này:

- (a) đối với việc cung cấp dịch vụ, nếu Thành viên đó chứng minh được rằng dịch vụ được cung cấp từ hoặc trên lãnh thổ của một nước không phải Thành viên hoặc của một Thành viên mà Thành viên khước từ quyền lợi không áp dụng Hiệp định WTO ;
- (b) trong trường hợp cung cấp dịch vụ vận tải biển, nếu Thành viên đó chứng minh được rằng dịch vụ được cung cấp:
  - (i) bởi tàu được đăng ký theo pháp luật của một nước không phải là Thành viên hoặc của một Thành viên mà Thành viên khước từ quyền lợi không áp dụng Hiệp định WTO, và
  - (ii) bởi một người vận hành và/hoặc sử dụng một phần hay toàn bộ tàu của nước không phải là Thành viên hoặc của một Thành viên mà Thành viên khước từ quyền lợi không áp dụng Hiệp định WTO .
- (c) đối với nhà cung cấp dịch vụ là một pháp nhân, nếu chứng minh được rằng người cung cấp dịch vụ đó không thuộc một nước Thành viên khác hoặc thuộc một nước Thành viên mà Thành viên khước từ quyền lợi không áp dụng Hiệp định WTO .

#### ***Điều XXVIII***

##### *Các định nghĩa*

Theo Hiệp định này:

- (a) "biện pháp" là bất kỳ một biện pháp nào được một Thành viên thi hành, dù dưới hình thức luật pháp, quy định, quy tắc, , thủ tục, quyết định, hoạt động quản lý hoặc bất kỳ hình thức nào khác,
- (b) "cung cấp một dịch vụ" bao gồm việc sản xuất, phân phối, tiếp thị, bán hoặc giao một dịch vụ,

- (c) "biện pháp của các Thành viên tác động đến thương mại dịch vụ" bao gồm các biện pháp về:
- (i) việc mua, thanh toán hay sử dụng một dịch vụ;
  - (ii) tiếp cận hay sử dụng các dịch vụ gắn liền với việc cung cấp dịch vụ mà các dịch vụ được các Thành viên yêu cầu phải đưa ra phục vụ công chúng một cách phổ biến;
  - (iii) sự hiện diện, bao gồm cả hiện diện thương mại, của những người thuộc một Thành viên để cung cấp dịch vụ trên lãnh thổ của một Thành viên khác;
- (d) "hiện diện thương mại" là bất kỳ loại hình kinh doanh hay tổ chức nghề nghiệp nào, bao gồm :
- (i) việc thiết lập , mua lại hay duy trì một pháp nhân, hoặc
  - (ii) thành lập hay duy trì một chi nhánh hoặc văn phòng đại diện, trên lãnh thổ của một Thành viên nhằm mục đích cung cấp dịch vụ,
- (e) "lĩnh vực" dịch vụ là:
- (i) liên quan đến một cam kết cụ thể, một hoặc nhiều hoặc tất cả hoặc các ngành trong lĩnh vực dịch vụ đó được liệt kê tại Danh mục cam kết của một Thành viên,
  - (ii) trong những trường hợp khác, toàn bộ lĩnh vực dịch vụ đó, bao gồm tất cả các ngành dịch vụ.
- (f) "dịch vụ của một Thành viên khác" là dịch vụ được cung cấp,
- (i) từ hoặc trên lãnh thổ của Thành viên khác, hoặc trong trường hợp dịch vụ vận tải biển, do một con tàu được đăng ký theo luật pháp của Thành viên khác đó, hoặc do một người thuộc Thành viên đó cung cấp dịch vụ thông qua hoạt động của một con tàu và/hoặc sử dụng toàn bộ hay một phần con tàu đó; hoặc,
  - (ii) của một người cung cấp dịch vụ thuộc Thành viên khác, trong trường hợp việc cung cấp dịch vụ đó thông qua sự hiện diện thương mại hoặc sự hiện diện thể nhân;

- (g) "nhà cung cấp dịch vụ" là bất kỳ người nào thực hiện cung cấp một dịch vụ;<sup>12</sup>
- (h) "nhà cung cấp dịch vụ độc quyền" là bất kỳ người nào, dù thuộc khu vực công hay tư nhân, được một Thành viên cho phép, hay được thành lập một cách chính thức hay trên thực tế là nhà cung cấp dịch vụ duy nhất dịch vụ đó, trong phạm vi thị trường tương ứng của lãnh thổ Thành viên này;
- (i) "người tiêu dùng dịch vụ" là bất kỳ người nào nhận hoặc sử dụng một dịch vụ;
- (j) "người" bao gồm pháp nhân và thể nhân;
- (k) "thể nhân của một Thành viên khác" là một thể nhân thường trú trên lãnh thổ của Thành viên đó hoặc bất kỳ Thành viên nào khác, mà theo luật pháp của Thành viên này người đó:
  - (i) là công dân của Thành viên khác đó hoặc;
  - (ii) có quyền cư trú lâu dài trên lãnh thổ của Thành viên khác đó, trong trường hợp của một Thành viên:
    1. không có quốc tịch; hoặc
    2. đang dành đáng kể sự đối xử dành cho những người thường trú như đối xử với công dân của mình về các biện pháp có tác động đến thương mại dịch vụ, được thông báo khi chấp nhận hoặc gia nhập Hiệp định WTO, miễn là không một Thành viên nào bị buộc phải dành cho những người thường trú sự đối xử thuận lợi hơn sự đối xử được Thành viên khác đó dành cho những người thường trú trên lãnh thổ của họ. Những thông báo này bao gồm cả việc bảo đảm của một Thành viên trong việc chịu trách nhiệm đối với người thường trú như trách nhiệm của thành viên đó đối với công dân của mình phù hợp với luật pháp và quy định của thành viên đó;
- (l) "pháp nhân" là bất kỳ thực thể pháp lý nào được thành lập hay tổ chức hợp pháp theo pháp luật hiện hành, dù có hoạt động vì lợi nhuận hay không, và thuộc sở hữu tư nhân hay sở hữu nhà nước, bao gồm công ty, công ty tín thác, hợp danh, liên doanh, công ty một chủ hay hiệp hội.
- (m) "pháp nhân của Thành viên khác" là những pháp nhân hoặc:

---

<sup>12</sup> Khi một dịch vụ khựng được cở thể nhõn cung cấp một cỏch trực tiếp mà thụng qua cỏc hõnh thực hiện diện thụng mại khỏc như chi nhõnh hoặc vãn phũng đại diện, người cung cấp dịch vụ (là phỏp nhõn) sẽ thụng qua sự đối xử dành cho nhà cung cấp dịch vụ của sự hiện diện đú theo Hiệp định này. Sự đối xử này sẽ được mở rộng cho hiện diện thụng qua nú dịch vụ được cung cấp và khựng cần thiết phải mở rộng cho cỏc nhà cung cấp dịch vụ khỏc ở ngoài phạm vi lỏnh thổ dịch vụ đú được cung cấp.

- (i) được thành lập hay tổ chức theo luật pháp của Thành viên khác đó, và đã tham gia một cách đáng kể vào những giao dịch kinh doanh trên lãnh thổ của Thành viên đó hoặc bất kỳ Thành viên nào khác; hoặc
- (ii) trong trường hợp việc cung cấp dịch vụ được thực hiện thông qua hiện diện thương mại, được sở hữu hoặc kiểm soát bởi những người sau đây:
  - 1. thể nhân của Thành viên đó; hoặc
  - 2. pháp nhân của Thành viên khác được xác định theo quy định tại điểm (i),
- (n) pháp nhân là:
  - (i) do nhiều người thuộc một Thành viên sở hữu, nếu trên 50% lợi ích cổ phần thuộc sở hữu của những người thuộc Thành viên đó;
  - (ii) do nhiều người thuộc một Thành viên kiểm soát, nếu những người đó có quyền đề cử đa số Thành viên của ban lãnh đạo hoặc điều hành các hoạt động của pháp nhân đó một cách hợp pháp;
  - (iii) trực thuộc một người khác, nếu kiểm soát, hoặc bị kiểm soát bởi người khác đó, hoặc khi pháp nhân đó và người khác cùng chịu sự kiểm soát của cùng một người; và
- (o) "thuế trực thu" bao gồm mọi loại thuế đánh vào tổng thu nhập, tổng vốn hoặc đánh vào các phần thu nhập hoặc phần vốn, kể cả thuế đánh vào những thu nhập từ việc bán tài sản, thuế đánh vào bất động sản, thừa kế và quà biếu, thuế đánh vào tổng tiền công, tiền lương do doanh nghiệp trả, cũng như thuế đánh vào giá trị vốn tăng thêm.

## ***Điều XXIX***

### *Các Phụ lục*

Các Phụ lục của Hiệp định này là một bộ phận không thể tách rời của Hiệp định.

## CÁC PHỤ LỤC

### *Phụ lục về các ngoại lệ đối với Điều II*

#### *Phạm vi*

1. Phụ lục này quy định những điều kiện, theo đó một Thành viên được miễn thực hiện những nghĩa vụ quy định tại khoản 1 Điều II, kể từ khi Hiệp định này có hiệu lực.
2. Các ngoại lệ mới áp dụng sau ngày Hiệp định WTO có hiệu lực được điều chỉnh theo khoản 3 Điều IX của Hiệp định này.

#### *Rà soát*

3. Hội đồng Thương mại Dịch vụ thực hiện việc rà soát lại các ngoại lệ được áp dụng trong thời gian hơn năm năm. Việc rà soát lần đầu được tiến hành không chậm hơn 5 năm, kể từ ngày Hiệp định WTO có hiệu lực.
4. Trong quá trình rà soát, Hội đồng Thương mại Dịch vụ phải:
  - (a) xem xét liệu các điều kiện cần thiết để được áp dụng ngoại lệ có còn tồn tại không;
  - (b) xác định thời hạn tiến hành việc rà soát tiếp theo.

#### *Chấm dứt áp dụng*

5. Việc miễn thực hiện nghĩa vụ của một Thành viên theo khoản 1 Điều II của Hiệp định này đối với một biện pháp cụ thể sẽ chấm dứt vào ngày được quy định trong ngoại lệ đó.
6. Về nguyên tắc, các ngoại lệ này không được vượt quá thời hạn 10 năm. Trong mọi trường hợp, các ngoại lệ phải được đàm phán tại các vòng đàm phán tiếp theo về tự do hóa thương mại.
7. Các Thành viên phải thông báo cho Hội đồng Thương mại Dịch vụ vào thời điểm chấm dứt thời hạn áp dụng ngoại lệ rằng biện pháp không phù hợp này đã tuân thủ các quy định tại khoản 1 Điều II của Hiệp định này.

#### *Danh mục các ngoại lệ đối với Điều II*

[Danh mục các ngoại lệ theo khoản 2 Điều II là một bộ phận của Phụ lục này trong Hiệp định WTO.]



## ***Phụ lục***

### ***Về di chuyển của thể nhân cung cấp dịch vụ theo Hiệp định này***

1. Phụ lục này áp dụng đối với những biện pháp có tác động đến thể nhân là những người cung cấp dịch vụ của một Thành viên, và những thể nhân được một người cung cấp dịch vụ của một Thành viên tuyển dụng, để thực hiện việc cung cấp dịch vụ.
2. Hiệp định này không áp dụng đối với các biện pháp tác động đến các thể nhân tìm kiếm cơ hội trên thị trường việc làm của một Thành viên, và cũng không áp dụng đối với các biện pháp liên quan tới quốc tịch, cư trú hoặc tuyển dụng trên cơ sở thường xuyên.
3. Theo quy định tại Phần III và IV của Hiệp định này, các Thành viên có thể đàm phán về những cam kết cụ thể áp dụng cho việc di chuyển tất cả các loại thể nhân thực hiện cung cấp dịch vụ theo Hiệp định này. Thể nhân thuộc phạm vi điều chỉnh của một cam kết cụ thể được phép cung cấp dịch vụ phù hợp với các điều kiện của cam kết đó.
4. Hiệp định này cũng không ngăn cản một Thành viên áp dụng những biện pháp để kiểm soát việc nhập cảnh hoặc tạm trú của các thể nhân trên lãnh thổ của mình, kể cả những biện pháp cần thiết để bảo vệ sự toàn vẹn lãnh thổ, và để đảm bảo sự di chuyển có trật tự của các thể nhân qua biên giới, miễn là những biện pháp đó không được áp dụng theo cách thức có thể dẫn đến triệt tiêu hay làm suy giảm những lợi ích mà các Thành viên được hưởng theo các điều kiện của cam kết cụ thể.<sup>13</sup>

### ***Phụ lục về dịch vụ vận tải hàng không***

1. Phụ lục này áp dụng đối với các biện pháp có tác động đến thương mại trong dịch vụ vận tải hàng không, dù có thuộc danh mục cam kết hay không. Khẳng định rằng bất kỳ cam kết cụ thể hay nghĩa vụ nào trong khuôn khổ Hiệp định này không làm giảm hay thay đổi nghĩa vụ của một Thành viên trong các hiệp định song biên hay đa biên đã có hiệu lực từ ngày Hiệp định WTO có hiệu lực.
2. Hiệp định này, gồm cả thủ tục giải quyết tranh chấp, sẽ không áp dụng đối với các biện pháp có tác động tới:
  - (a) quyền chuyên chở, dù được cấp quyền như thế nào; hoặc
  - (b) các dịch vụ trực tiếp liên quan tới thực hiện quyền chuyên chở, ngoại trừ những quy định cụ thể tại khoản 3 của Phụ lục này.

---

<sup>13</sup> Lý do thực tế dũi hỏi việc cấp thị thực cho thể nhân của các Thành viên nhất định và khụng cho thờ nhõn của các nước khỏc sẽ khụng đợc làm giảm hoặc triệt tiêu những lợi ớch trong cam kết cụ thể.

3. Hiệp định này được áp dụng đối với các biện pháp có tác động tới:
- (a) sửa chữa máy bay và dịch vụ bảo trì;
  - (b) việc bán và tiếp thị dịch vụ vận tải hàng không;
  - (c) các dịch vụ có liên quan đến hệ thống đặt vé máy bay qua mạng điện toán (CRS).
4. Thủ tục giải quyết tranh chấp theo Hiệp định này chỉ có thể được áp dụng khi một Thành viên liên quan thừa nhận nghĩa vụ hoặc một cam kết cụ thể và khi thủ tục giải quyết tranh chấp trong khuôn khổ hiệp định hoặc thỏa thuận song biên và đa biên đã được tận dụng tối đa.
5. Hội đồng Thương mại dịch vụ sẽ thực hiện rà soát định kỳ, và ít nhất năm năm một lần, sự phát triển của lĩnh vực vận tải hàng không và việc thực thi Phụ lục này nhằm xem xét khả năng triển khai Hiệp định này thêm một bước nữa trong lĩnh vực hàng không.
6. Định nghĩa:
- (a) "Dịch vụ sửa chữa và bảo trì máy bay" là các hoạt động được tiến hành với một máy bay hoặc một bộ phận của máy bay khi máy bay không hoạt động dịch vụ và không bao gồm dịch vụ được gọi là bảo trì trên đường bay.
  - (b) "Bán và tiếp thị dịch vụ vận tải hàng không" là việc dành những cơ hội cho các nhà chuyên chở hàng không bán và tiếp thị các dịch vụ của mình một cách tự do, bao gồm tất cả các khía cạnh của tiếp thị như nghiên cứu thị trường, quảng cáo và phân phối. Các hoạt động này không bao gồm việc định giá dịch vụ vận tải hàng không và những điều kiện có thể áp dụng.
  - (c) "Các dịch vụ có liên quan đến hệ thống đặt vé máy bay qua mạng điện toán (CRS)" là những dịch vụ được cung cấp thông qua những hệ thống mạng vi tính có chứa những thông tin về lịch trình máy bay chuyên chở, về việc còn chỗ hay trọng tải, giá cước và quy tắc về cước chuyên chở, mà thông qua hệ thống đó có thể đặt chỗ hay phát hành vé.
  - (d) "Quyền chuyên chở" là quyền được đưa vào hay không đưa vào danh mục cam kết hoạt động và/hoặc chuyên chở hành khách, hàng hóa và bưu phẩm để được trả công hay thuê, xuất phát từ, đi đến hay thực hiện bên trong hoặc trên lãnh thổ của một Thành viên, kể cả những điểm được phục vụ, chặng đường bay qua, loại phương thức chuyên chở, trọng tải cung cấp, mức thuế phải thu và các điều kiện liên quan, và các tiêu

thức để chỉ định hàng không, kể cả những tiêu thức như số hiệu, chủ sở hữu và kiểm soát.

## ***Phụ lục về các dịch vụ tài chính***

### ***1. Phạm vi và định nghĩa***

(a) Phụ lục này áp dụng đối với các biện pháp tác động đến việc cung cấp dịch vụ tài chính. Cung cấp dịch vụ tài chính nêu tại phụ lục này là việc cung cấp một dịch vụ được định nghĩa tại khoản 2 Điều I của Hiệp định này.

(b) Theo điểm 3(b) Điều I của Hiệp định này, "dịch vụ được cung cấp khi thi hành quyền hạn của cơ quan chính phủ" được hiểu như sau:

(i) các hoạt động do ngân hàng trung ương, cơ quan có thẩm quyền quản lý tiền tệ thực hiện hoặc do bất kỳ một tổ chức công nào thực hiện phù hợp với chính sách tài chính và tỷ giá hối đoái;

(ii) các hoạt động tạo thành một bộ phận của hệ thống luật pháp về an sinh hay các chương trình hưu trí công; và

(iii) các hoạt động khác do một tổ chức công tiến hành được Chính phủ tài trợ, bảo lãnh hoặc sử dụng nguồn tài chính của Chính phủ.

(c) Theo điểm 3(b) Điều I của Hiệp định này, nếu một Thành viên cho phép nhà cung cấp dịch vụ tài chính của mình tiến hành bất kỳ một hoạt động nào nêu tại điểm (b)(ii) hoặc (b)(iii) của khoản này và cạnh tranh với một tổ chức công hoặc một người cung cấp dịch vụ tài chính, thì thuật ngữ "dịch vụ" được hiểu là bao gồm cả những hoạt động đó.

(d) Điểm 3(c) Điều I của Hiệp định này sẽ không áp dụng đối với các dịch vụ được nêu tại Phụ lục này.

### ***2. Quy định trong nước:***

(a) Dù có các quy định khác trong Hiệp định này, một Thành viên không bị cản trở trong việc thực hiện những biện pháp vì lý do thận trọng, bao gồm các biện pháp để bảo hộ nhà đầu tư, người gửi tiền, người nắm giữ hợp đồng bảo hiểm hoặc những người nắm chứng từ tài chính đáo hạn thuộc sở hữu của một người cung cấp dịch vụ tài chính, hoặc để đảm bảo tính thống nhất và ổn định của hệ thống tài chính.

Khi các biện pháp nói trên trái với các quy định của Hiệp định này, thì các biện pháp đó không được sử dụng như một phương tiện để lẫn tránh các cam kết hoặc nghĩa vụ theo Hiệp định này.

(b) Không có quy định nào trong Hiệp định này được hiểu là nhằm yêu cầu một Thành viên phải tiết lộ những thông tin liên quan tới công việc hoặc tài khoản của những khách hàng cá nhân hoặc bất kỳ một thông tin bí mật hay các thông tin mật về tài sản thuộc quyền chiếm hữu của các tổ chức công .

### 3. Công nhận

(a) Một Thành viên có thể công nhận các biện pháp thận trọng của bất kỳ một nước nào khác khi xác định những biện pháp của một Thành viên khác về dịch vụ tài chính được áp dụng như thế nào. Việc công nhận đó có thể được tiến hành thông qua hài hòa hóa hoặc theo một cách khác, dựa trên thỏa thuận hoặc hiệp định với nước liên quan hoặc có thể được tự động chấp nhận .

(b) Thành viên là một bên của một hiệp định hoặc thỏa thuận được nêu tại điểm (a), dù là thỏa thuận hiện tại hoặc trong tương lai, phải tạo cơ hội thích hợp cho những Thành viên quan tâm được đàm phán tham gia hiệp định hoặc thỏa thuận đó, hoặc đàm phán về thỏa thuận hoặc hiệp định tương đương trong trường hợp có những quy tắc, bối cảnh và việc thực hiện tương đương, và nếu có thể, những thủ tục liên quan đến chia sẻ thông tin giữa các bên tham gia hiệp định hoặc thỏa thuận đó. Khi một Thành viên thực hiện việc công nhận một cách tự động, Thành viên đó phải dành cơ hội đầy đủ cho bất kỳ một Thành viên nào khác trình bày về sự tồn tại của những trường hợp đó.

(c) Trong trường hợp một Thành viên dự định thực hiện việc công nhận những biện pháp thận trọng của bất kỳ một nước nào khác, thì điểm 4(b) của Điều VII không được áp dụng.

### 4. Giải quyết tranh chấp

Hội đồng giải quyết tranh chấp về những vấn đề mang tính chất thận trọng và các vấn đề tài chính khác phải có kiến thức chuyên môn cần thiết về dịch vụ tài chính chuyên ngành đang bị tranh chấp.

### 5. Các định nghĩa

Theo Phụ lục này:

(a) Dịch vụ tài chính là bất kỳ dịch vụ nào có tính chất tài chính do một nhà cung cấp dịch vụ tài chính của một Thành viên thực hiện. Dịch vụ tài chính bao gồm mọi dịch vụ bảo hiểm và dịch vụ liên quan tới bảo hiểm, mọi dịch vụ ngân hàng và

dịch vụ tài chính khác ( trừ bảo hiểm). Các dịch vụ tài chính bao gồm các dịch vụ dưới đây:

*Dịch vụ bảo hiểm và dịch vụ liên quan tới bảo hiểm*

- (i) Bảo hiểm trực tiếp (kể cả đồng bảo hiểm):
  - (A) nhân thọ
  - (B) phi nhân thọ
- (ii) Tái bảo hiểm và tái nhượng bảo hiểm;
- (iii) Trung gian bảo hiểm, như môi giới và đại lý;
- (iv) Dịch vụ phụ trợ cho bảo hiểm, như tư vấn, dịch vụ đánh giá xác suất và rủi ro và dịch vụ giải quyết khiếu nại.

*Ngân hàng và các dịch vụ tài chính khác ( trừ bảo hiểm)*

- (v) Nhận tiền gửi hoặc đặt cọc và các khoản tiền có thể thanh toán khác của công chúng;
- (vi) Cho vay dưới các hình thức , bao gồm tín dụng tiêu dùng, tín dụng thế chấp, bao tiêu nợ và tài trợ các giao dịch thương mại;
- (vii) Thuê mua tài chính;
- (viii) Mọi dịch vụ thanh toán và chuyển tiền, bao gồm thẻ tín dụng, thẻ thanh toán và báo nợ, séc du lịch và hối phiếu ngân hàng;
- (ix) Bảo lãnh và cam kết;
- (x) Kinh doanh tài khoản của mình hoặc của khách hàng, dù tại sở giao dịch và trên thị trường không chính thức, hoặc các giao dịch khác về:
  - (A) công cụ thị trường tiền tệ ( gồm séc, hóa đơn, chứng chỉ tiền gửi);
  - (B) ngoại hối;
  - (C) các sản phẩm tài chính phái sinh, bao gồm nhưng không hạn chế các hợp đồng kỳ hạn (futures) hoặc hợp đồng chọn (options) ;
  - (D) các sản phẩm dựa trên tỷ giá hối đoái và lãi suất, gồm các sản phẩm như hoán vụ (swaps), hợp đồng tỷ giá kỳ hạn;

- (E) chứng khoán có thể chuyển nhượng;
  - (F) các công cụ có thể chuyển nhượng khác và tài sản tài chính, kể cả kim khí quý.
- (xi) Tham gia vào việc phát hành mọi loại chứng khoán, kể cả bảo lãnh phát hành và chào bán như đại lý ( dù công khai hoặc theo thỏa thuận riêng) và cung cấp dịch vụ liên quan tới việc phát hành đó;
  - (xii) Môi giới tiền tệ;
  - (xiii) Quản lý tài sản, như tiền mặt hoặc quản lý danh mục đầu tư, mọi hình thức quản lý đầu tư tập thể, quản lý quỹ hưu trí, dịch vụ bảo quản, lưu giữ và tín thác;
  - (xiv) Các dịch vụ thanh toán và quyết toán tài sản tài chính, bao gồm chứng khoán, các sản phẩm tài chính phái sinh và các công cụ thanh toán khác;
  - (xv) Cung cấp và chuyển thông tin về tài chính, xử lý dữ liệu tài chính và phần mềm liên quan của các nhà cung cấp dịch vụ tài chính khác;
  - (xvi) Các dịch vụ về tư vấn, trung gian môi giới và các dịch vụ tài chính phụ trợ khác liên quan đến các hoạt động nêu từ điểm (v) đến (xv), kể cả tham khảo và phân tích tín dụng, nghiên cứu, tư vấn đầu tư và danh mục đầu tư, tư vấn mua sắm và về cơ cấu lại hoặc chiến lược doanh nghiệp.
- (b) Nhà cung cấp dịch vụ tài chính là pháp nhân hoặc thể nhân của một Thành viên muốn cung cấp hoặc đang cung cấp những dịch vụ tài chính nhưng thuật ngữ “ nhà cung cấp dịch vụ tài chính” không bao gồm tổ chức công .
- (c) “ Tổ chức công ” nghĩa là:
- (i) chính phủ, ngân hàng trung ương hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý tiền tệ của một Thành viên, hoặc một thực thể do một Thành viên sở hữu hoặc kiểm soát, chủ yếu thực hiện chức năng chính phủ hoặc các hoạt động vì mục đích của chính phủ, không bao gồm pháp nhân chủ yếu cung cấp những dịch vụ tài chính trên cơ sở những điều kiện thương mại; hoặc
  - (ii) một thực thể tư nhân, thực hiện các chức năng thông thường vẫn do một Ngân hàng trung ương hoặc cơ quan có thẩm quyền quản lý tiền tệ thực hiện..

### ***Phụ lục thứ hai về dịch vụ tài chính***

1. Dù có các quy định tại Điều II của Hiệp định này và các khoản 1 và 2 của Phụ lục về các Ngoại lệ đối với Điều II, một Thành viên có thể liệt kê trong Phụ lục này các biện pháp liên quan tới các dịch vụ tài chính trái với khoản 1 Điều II Hiệp định này trong vòng 60 ngày của 4 tháng đầu tiên sau khi Hiệp định về WTO có hiệu lực.
2. Dù có các quy định của Điều XXI của Hiệp định này, trong thời hạn 60 ngày của bốn tháng đầu tiên sau ngày Hiệp định WTO có hiệu lực, một Thành viên có thể mở rộng, sửa đổi hoặc rút lại toàn bộ hoặc một phần những cam kết cụ thể về dịch vụ tài chính được nêu tại Danh mục của mình.
3. Hội đồng Thương mại Dịch vụ sẽ quy định các thủ tục cần thiết để áp dụng khoản 1 và 2.

### ***Phụ lục về đàm phán dịch vụ vận tải biển***

1. Điều II và Phụ lục về các ngoại lệ đối với Điều II, bao gồm các yêu cầu liệt kê trong Phụ lục các biện pháp không phù hợp với đối xử tối huệ quốc mà một Thành viên sẽ tiếp tục duy trì, chỉ có hiệu lực đối với vận tải biển quốc tế, các dịch vụ phụ trợ và việc cập cảng hoặc sử dụng những dịch vụ cảng:
  - (a) vào ngày thực hiện được xác định theo khoản 4 Quyết định Bộ trưởng về đàm phán dịch vụ vận tải biển; hoặc
  - (b) vào ngày lập báo cáo cuối cùng của Nhóm đàm phán về các dịch vụ vận tải biển quy định tại Quyết định nói trên, nếu các cuộc đàm phán không thành.
2. Khoản 1 không được áp dụng đối với bất kỳ cam kết cụ thể nào về dịch vụ vận tải biển được nêu trong Danh mục cam kết của các Thành viên.
3. Kể từ ngày kết thúc các cuộc đàm phán nêu tại khoản 1, và trước ngày thực hiện, một Thành viên có thể mở rộng, sửa đổi hoặc rút lại toàn bộ hoặc một phần các cam kết cụ thể trong lĩnh vực này mà không phải đền bù dù có các quy định của Điều XXI.

### ***Phụ lục về thông tin viễn thông***

## 1. Mục tiêu

Thừa nhận tính đặc thù của lĩnh vực dịch vụ thông tin viễn thông và, đặc biệt, vai trò kép của lĩnh vực này với tư cách là một lĩnh vực hoạt động kinh tế riêng biệt và một phương tiện truyền tải thiết yếu với các hoạt động kinh tế khác, các Thành viên thỏa thuận về các Phụ lục dưới đây với mục tiêu chi tiết hóa những quy định trong Hiệp định này về các biện pháp có tác động đến việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ và mạng lưới truyền tải thông tin viễn thông công cộng. Do vậy, bản Phụ lục này giải thích và quy định bổ sung cho Hiệp định.

## 2. Phạm vi điều chỉnh

- (a) Phụ lục này áp dụng đối với mọi biện pháp của một Thành viên có tác động đến việc tiếp cận và sử dụng dịch vụ và mạng lưới truyền tải thông tin viễn thông công cộng<sup>14</sup>.
- (b) Phụ lục này không được áp dụng đối với các biện pháp có tác động đến cấp hoặc phát sóng các chương trình phát thanh và truyền hình.
- (c) Không có quy định nào của Phụ lục này được hiểu là:
  - (i) đề yêu cầu một Thành viên cho phép một nhà cung cấp dịch vụ của bất kỳ một Thành viên nào khác thiết lập, xây dựng, mua lại, thuê, hoạt động, hoặc cung cấp những dịch vụ hoặc mạng lưới truyền tải thông tin viễn thông, vượt quá khuôn khổ các những nội dung cam kết cụ thể trong Danh mục; hoặc
  - (ii) yêu cầu một Thành viên (hoặc yêu cầu một Thành viên bắt buộc người cung cấp dịch vụ chịu sự điều chỉnh của luật pháp nước mình) thiết lập, xây dựng, mua lại, thuê, hoạt động, hoặc cung cấp những dịch vụ hoặc mạng lưới truyền tải thông tin liên lạc thông thường không đưa ra phục vụ công cộng.

## 3. Định nghĩa

Theo Phụ lục này:

(a) " Thông tin viễn thông" là việc truyền hoặc tiếp nhận tín hiệu bằng bất kỳ phương tiện điện từ trường nào.

---

<sup>14</sup> Đoạn này được hiểu là mỗi Thành viên sẽ đảm bảo rằng các nghĩa vụ của Phụ lục này được áp dụng với các nhà cung cấp mạng lưới và dịch vụ truyền tải thông tin viễn thông công cộng bằng bất cứ biện pháp nào cần thiết.



(b) "Dịch vụ truyền tải thông tin viễn thông công cộng" là bất kỳ một dịch vụ truyền tải thông tin viễn thông nào được một Thành viên yêu cầu, nêu rõ hoặc trong thực tế được đưa ra phục vụ chung cho công chúng. Các dịch vụ đó có thể bao gồm, ngoài những dịch vụ khác, điện tín, điện thoại, telex, truyền dữ liệu đặc trưng liên quan đến thời gian thực tế chuyển các thông tin cho khách hàng giữa hai hoặc nhiều điểm mà không thay đổi nội dung thông tin của khách hàng giữa hai điểm truyền và nhận tin.

(c) "Mạng truyền tải thông tin viễn thông công cộng" là kết cấu hạ tầng thông tin viễn thông công cộng cho phép liên lạc giữa hai hoặc nhiều điểm xác định trong mạng gồm những máy cuối.

(d) "Liên lạc trong nội bộ công ty" là sự liên lạc được một công ty sử dụng trong nội bộ hoặc với các chi nhánh hoặc giữa các công ty con, các chi nhánh các công ty trực thuộc tùy thuộc vào luật và quy định trong nước của một Thành viên. Nhằm mục đích nói trên, "các công ty con", "các chi nhánh" và trong những trường hợp có thể là các "công ty trực thuộc" sẽ do mỗi Thành viên tự đưa ra định nghĩa. "Liên lạc trong nội bộ công ty" trong Phụ lục này không bao gồm các dịch vụ thương mại hoặc phi thương mại được cung cấp cho các công ty mà không phải là những công ty con, chi nhánh hoặc công ty trực thuộc liên quan, hoặc những dịch vụ được chào cho các khách hàng hoặc khách hàng tiềm năng.

(e) Mọi vấn đề liên quan đến khoản hoặc điểm của Phụ lục này bao gồm cả những phần cấu thành chúng.

#### 4. *Tính minh bạch*

Khi thi hành Điều III của Hiệp định này, mỗi Thành viên phải đảm bảo rằng những thông tin liên quan đến những điều kiện có tác động đến việc tiếp cận và sử dụng dịch vụ và mạng vận chuyển thông tin viễn thông công cộng sẽ sẵn sàng để cho mọi người được sử dụng, kể cả thuê cũng như những điều kiện và điều khoản về dịch vụ; các quy định về chỉ số kỹ thuật của những mạng và dịch vụ đó; thông tin về những cơ quan chịu trách nhiệm chuẩn bị và thông qua những tiêu chuẩn có tác động đến việc tiếp cận và sử dụng mạng hoặc dịch vụ; những điều kiện được áp dụng cho việc gắn với mạng hoặc thiết bị khác; và thông báo, đăng ký hoặc yêu cầu cấp phép, nếu có.

#### 5. *Tiếp cận và sử dụng dịch vụ và hệ thống thông tin viễn thông công cộng.*

(a) Mỗi Thành viên phải đảm bảo rằng bất kỳ nhà cung cấp dịch vụ nào của bất kỳ Thành viên nào sẽ được tiếp cận và sử dụng dịch vụ và hệ thống thông tin viễn thông công cộng với những điều kiện và điều khoản hợp lý và không phân biệt đối xử, để cung cấp một dịch vụ được nêu trong Danh mục cam kết của mình. Nghĩa vụ này sẽ được áp dụng, ngoài những quy định khác, theo những quy định được nêu tại điểm (b) đến điểm (f)<sup>15</sup>.

---

<sup>15</sup> Thuật ngữ "khung phân biệt đối xử", trong Hiệp định này được hiểu là đối xử tối huệ quốc và đối xử quốc gia, nó cũng phản ánh việc sử dụng trong một số lĩnh vực cụ thể "điều kiện và điều khoản khung kìm 41

(b) Mỗi Thành viên phải đảm bảo rằng các nhà cung cấp dịch vụ của bất kỳ một Thành viên nào khác sẽ được tiếp cận và sử dụng dịch vụ và hệ thống thông tin viễn thông công cộng được cung cấp trong và qua toàn bộ lãnh thổ của Thành viên đó, kể cả những mạch cho thuê tư nhân, và kết quả này sẽ đảm bảo rằng những người cung cấp dịch vụ đó sẽ được phép, tùy thuộc vào các quy định từ điểm (e) đến điểm (f):

- (i) mua hoặc thuê và nối các đầu máy hoặc các thiết bị khác giao diện với mạng và cần thiết cho người cung cấp dịch vụ;
- (ii) được nối mạch thuê hoặc sở hữu tư nhân với dịch vụ hoặc mạng thông tin viễn thông công cộng hoặc với các mạch được những người cung cấp dịch vụ khác thuê hoặc sở hữu;
- (iii) sử dụng các bảng kế hoạch khai thác do các nhà cung cấp dịch vụ tự chọn trong việc cung cấp dịch vụ, không chỉ giới hạn ở những gì vẫn được các dịch vụ và mạng vận chuyển thông tin viễn thông công cộng cung cấp một cách phổ biến.

(c) Mỗi Thành viên phải đảm bảo rằng các nhà cung cấp dịch vụ của bất kỳ Thành viên nào khác có thể sử dụng được các dịch vụ và mạng vận chuyển thông tin viễn thông công cộng để chuyển thông tin bên trong và qua biên giới, kể cả thông tin nội bộ công ty của các nhà cung cấp dịch vụ đó, và được tiếp cận thông tin có trong những cơ sở dữ liệu hoặc được lưu trữ dưới hình thức đọc được trên máy trong phạm vi trên lãnh thổ của bất kỳ Thành viên nào. Bất kỳ biện pháp nào mới hoặc mới được một Thành viên sửa đổi có tác động đáng kể đến việc sử dụng như nêu trên sẽ được thông báo và chấp nhận tham vấn, phù hợp với những quy định của Hiệp định này.

(d) Dù có các quy định tại khoản trên, một Thành viên có thể thực hiện biện pháp cần thiết để đảm bảo tính an toàn và bảo mật của những thông điệp, với điều kiện là một biện pháp như vậy không áp dụng theo cách tạo nên một sự phân biệt đối xử tùy tiện hoặc không có cơ sở hoặc hạn chế trách nhiệm hình với thương mại dịch vụ.

(e) Mỗi Thành viên phải bảo đảm không đặt điều kiện với việc tiếp cận và sử dụng các dịch vụ và mạng vận chuyển thông tin viễn thông công cộng quá mức cần thiết:

- (i) để bảo vệ những trách nhiệm với dịch vụ công cộng của nhà cung cấp dịch vụ và mạng vận chuyển thông tin viễn thông công cộng, đặc biệt là khả năng đảm bảo để mạng hoặc dịch vụ sẵn sàng phục vụ công chúng nói chung; hoặc

- (ii) để bảo hộ tính thống nhất kỹ thuật của các dịch vụ và mạng vận chuyển thông tin viễn thông công cộng; hoặc
- (iii) để đảm bảo rằng các nhà cung cấp dịch vụ của bất kỳ một Thành viên nào cũng không cung cấp dịch vụ vượt quá khuôn khổ được phép như đã nêu trong Danh mục cam kết của một Thành viên.0

(f) Khi một thành viên đã đáp ứng các tiêu chuẩn nêu tại đoạn (e) nói trên, điều kiện để tiếp cận và sử dụng các dịch vụ và mạng vận chuyển thông tin viễn thông công cộng có thể bao gồm:

- (i) hạn chế việc bán lại hoặc sử dụng chung các dịch vụ;
- (ii) một yêu cầu về sử dụng giao diện kỹ thuật cụ thể, kể cả những sơ đồ nối mạch, để tiếp nối với những mạng và dịch vụ như vậy;
- (iii) khi cần thiết, yêu cầu tính đảm bảo hoạt động giữa những dịch vụ được cung cấp đó và để khuyến khích hoàn thành các mục đích được đặt ra tại khoản 7(a);
- (iv) đồng nhất hóa các đầu máy cuối hoặc các thiết bị được sử dụng để hòa mạng và quy định những yêu cầu kỹ thuật về gắn đặt những thiết bị đó vào những mạng như vậy;
- (v) những hạn chế về hòa mạng với những mạch do tư nhân thuê hoặc sở hữu vào những dịch vụ hoặc mạng, hoặc với những mạch do những người cung cấp dịch vụ khác thuê hoặc sở hữu; hoặc
- (vi) thông báo, đăng ký và cấp phép.

(g) Dù có các khoản trên đây của phần này, một Thành viên đang phát triển, phù hợp với trình độ phát triển của mình, có thể đặt ra những điều kiện hợp lý để tiếp cận và sử dụng các dịch vụ và mạng vận chuyển thông tin viễn thông công cộng cần thiết để tăng cường năng lực dịch vụ và cơ sở hạ tầng và để tăng khả năng tham gia vào thương mại quốc tế về dịch vụ thông tin viễn thông. Những điều kiện như vậy sẽ được quy định chi tiết trong Danh mục của Thành viên.

## 6. Hợp tác kỹ thuật

(a) Các Thành viên thừa nhận rằng cơ sở hạ tầng thông tin viễn thông tiên tiến và hiệu quả ở các nước, đặc biệt là những nước đang phát triển, là nền tảng để mở rộng các ngành thương mại dịch vụ của họ. Nhằm mục tiêu đó, Các Thành viên chấp thuận và khuyến khích sự tham gia đến mức tối đa có thể của những nước phát triển và đang phát triển và của các nhà cung cấp dịch vụ và mạng vận chuyển thông tin viễn thông công cộng và các pháp nhân khác vào các chương trình của các tổ chức quốc tế

và khu vực, kể cả Liên hiệp thông tin viễn thông quốc tế, Chương trình phát triển của Liên hợp quốc, và Ngân hàng quốc tế về tái thiết và phát triển.

(b) Các Thành viên sẽ khuyến khích và hỗ trợ sự hợp tác về thông tin viễn thông giữa các nước đang phát triển ở quy mô quốc tế, khu vực và tiểu khu vực.

(c) Trong hợp tác với các tổ chức quốc tế liên quan, trong trường hợp có thể, các Thành viên luôn dành cho các nước đang phát triển những thông tin về dịch vụ thông tin viễn thông và sự phát triển trong thông tin viễn thông và công nghệ thông tin viễn thông để giúp họ củng cố khu vực dịch vụ thông tin viễn thông trong nước.

(d) Các Thành viên đặc biệt xem xét những cơ hội cho các nước chậm phát triển nhất nhằm khuyến khích các nhà cung cấp dịch vụ thông tin viễn thông nước ngoài hỗ trợ việc chuyển giao công nghệ, đào tạo và các hoạt động khác hỗ trợ cho sự phát triển hạ tầng cơ sở thông tin viễn thông và mở rộng thương mại dịch vụ thông tin viễn thông của họ.

#### *7. Quan hệ với các Tổ chức và Hiệp định quốc tế*

(a) Các Thành viên thừa nhận tầm quan trọng của các tiêu chuẩn quốc tế để có một tính tương thích toàn cầu và tính phối hợp thao tác trong dịch vụ và mạng thông tin viễn thông và tiến hành thúc đẩy các tiêu chuẩn đó thông qua công việc của các cơ quan quốc tế liên quan, kể cả Liên hiệp thông tin viễn thông quốc tế và Tổ chức tiêu chuẩn hóa quốc tế.

(b) Các Thành viên thừa nhận vai trò của các tổ chức liên quốc gia và phi chính phủ và các hiệp định trong việc đảm bảo hoạt động có hiệu quả của dịch vụ thông tin viễn thông quốc gia và toàn cầu, đặc biệt Liên hiệp thông tin viễn thông quốc tế. Các Thành viên có những thỏa thuận thích hợp, thỏa đáng, để tham vấn với các tổ chức đó về những vấn đề phát sinh trong khi thực thi Phụ lục này.

### ***Phụ lục về đàm phán về thông tin viễn thông cơ bản***

1. Điều II và Phụ lục về các ngoại lệ đối với Điều II, bao gồm yêu cầu liệt kê trong Phụ lục bất kỳ biện pháp nào trái với đối xử tối huệ quốc mà một Thành viên tiếp tục duy trì, sẽ chỉ có hiệu lực đối với viễn thông cơ bản:

(a) vào ngày thực hiện được xác định theo khoản 5 của Quyết định Bộ trưởng về đàm phán viễn thông cơ bản;

(b) hoặc nếu các cuộc đàm phán không thành công, vào ngày có báo cáo cuối cùng của Nhóm đàm phán về viễn thông cơ bản được quy định tại Quyết định đó.

2. Khoản 1 không áp dụng đối với bất kỳ một cam kết cụ thể nào về viễn thông

cơ bản nêu trong Danh mục cam kết của một Thành viên.